

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ MƯỜNG KIM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3393** /BC-UBND

Mường Kim, ngày **19** tháng 6 năm 2026

### **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,  
quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng,  
nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026**

*(Trình kỳ họp thứ 5 HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2031)*

Thực hiện Kế hoạch số 36/KH-HĐND ngày 25/5/2026 của Thường trực HĐND xã về tổ chức Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của HĐND xã khóa XXII, nhiệm kỳ 2026 - 2031. UBND xã Mường Kim báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG - AN NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Xã Mường Kim cùng các xã trong tỉnh thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2026 trong bối cảnh thuận lợi, thách thức đan xen. Ngay từ những tháng đầu năm 2026, Trung ương, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng chiến lược quan trọng nhằm cụ thể hóa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và ngân sách nhà nước 5 năm giai đoạn 2026 - 2030; tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã phê duyệt quy hoạch chung xã Mường Kim đến năm 2045; UBND xã đã kịp thời giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị và tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch; ban hành kế hoạch, Văn bản chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, UBND tỉnh; xây dựng, triển khai thực hiện kịch bản tăng trưởng “2 con số” năm 2026 với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị; tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, ngay sau khi hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị đã khẩn trương ổn định tổ chức bộ máy, triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời quán triệt, cụ thể hóa kịp thời và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các Nghị quyết, Kết luận, Chương trình, Kế hoạch của Trung ương, Tỉnh ủy và Đảng ủy xã.

Bên cạnh những thuận lợi, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của xã vẫn chịu tác động từ những biến động phức tạp, khó lường của tình hình thế giới và trong nước; đặc biệt là xung đột quân sự tại Trung Đông ảnh hưởng đến nguồn cung, giá nhiên liệu, giá vật tư, vật liệu xây dựng và chi phí sản xuất. Việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức; thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống Nhân dân; nguồn lực đầu tư để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của xã; việc triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp mặc dù có nhiều kết quả đáng ghi nhận nhưng vẫn còn khó khăn về đội ngũ cán bộ công chức, cơ sở vật chất...

Trước bối cảnh trên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, sự nỗ lực phấn đấu, đồng hành của Nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã, các cấp, các ngành đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2026 tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển và đạt được nhiều kết quả tích cực, quốc phòng, an ninh được đảm bảo, cụ thể như sau:

## **I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÊN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

### **1. Về phát triển kinh tế**

#### ***1.1. Sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản, xây dựng nông thôn mới; công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai***

##### ***a) Sản xuất nông - lâm nghiệp - thủy sản, xây dựng nông thôn mới***

Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã tập trung chỉ đạo Nhân dân thực hiện sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và đạt được những kết quả tích cực.

\* *Trồng trọt:* Chỉ đạo Nhân dân thực hiện sản xuất, thu hoạch lúa vụ Đông Xuân 2025 - 2026, tổng diện tích gieo cấy 558/558 ha, đạt 100% diện tích, năng suất đạt 61,9/59,9 tạ/ha, đạt 103,4% kế hoạch, sản lượng 3.454 tấn (tăng 350,2 tấn so với cùng kỳ năm 2025). Đối với các loại cây trồng khác, Nhân dân đã chủ động gieo trồng theo khung lịch thời vụ. Trong đó, ngô Xuân hè thực hiện 527/527 ha, đạt 100% kế hoạch, hiện đang trong giai đoạn xoáy nõn, trổ cờ, chín sấp, thu hoạch. Diện tích thu hoạch 8,5 ha; lạc Xuân hè thực hiện 55/83 ha, đạt 66,3% kế hoạch năm, diện tích thu hoạch 4 ha, năng suất dự kiến đạt 17,3 tạ/ha, sản lượng ước đạt 95,2 tấn, bằng 66,5% kế hoạch; đậu tương Xuân hè thực hiện 35/55 ha, đạt 63,4% kế hoạch năm, diện tích thu hoạch 10 ha, năng suất dự kiến đạt 14,2 tạ/ha, sản lượng ước đạt 49,7 tấn, bằng 63,7% kế hoạch; cây rau màu các loại thực hiện 110/198 ha, đạt 55,6% kế hoạch năm, sản lượng ước đạt 1.595/2.845 tấn, bằng 56,1% kế hoạch. Tiếp tục chỉ đạo sản xuất lúa vụ Mùa, kế hoạch gieo 963,2 ha, diện tích làm đất: 774,2 ha, diện tích gieo mạ (quy ra diện tích lúa cấy): 708,2 ha, đã cấy được 227,9 ha, dự kiến đến 30/6/2026 diện tích cấy: 773,2 ha, đạt 80,3% kế

hoạch, kết thúc gieo cấy trước 15/7/2026 đạt 100% kế hoạch.

- Tiếp tục chỉ đạo Nhân dân tập trung chăm sóc 1.164,67 ha chè, thu hái 1.065,7 ha, tổng sản lượng chè búp tươi 6 tháng đầu năm ước đạt 2.800 tấn/6.800 tấn, đạt 41,17% kế hoạch; chỉ đạo chăm sóc 154,12/154,12 ha cây ăn quả, sản lượng cây ăn quả 6 tháng đầu năm ước đạt 630/1.300 tấn, đạt 48,5% kế hoạch.

- Tiếp tục đôn đốc doanh nghiệp chăm sóc và bảo vệ 217,59 ha cây cao su, sản lượng mủ khai thác 6 tháng đầu năm 2026 là 39,20/83 tấn, đạt 47,2% kế hoạch.

*\* Chăn nuôi, Thú y, Thủy sản*

Công tác chăn nuôi, thú y đang được tiếp tục quan tâm thực hiện, nhìn chung đàn gia súc phát triển ổn định. Tổng đàn gia súc chính: 19.670 con/21.860 con, bằng 89,98% kế hoạch<sup>1</sup>. Tốc độ tăng đàn 4,48%, bằng 27,2% kế hoạch. Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn xã có 06 bản xuất hiện dịch tả lợn châu Phi<sup>2</sup>. Tiếp tục chỉ đạo Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch tả lợn châu Phi trên đàn lợn, trong đó đã tổ chức tuyên truyền lồng ghép các nội dung phòng, chống dịch tại 43/43 bản. Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động giết mổ và kinh doanh buôn bán động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn. Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ kinh doanh ký cam kết, thực hiện đúng cam kết về việc chấp hành các quy định trong hoạt động kinh doanh, giết mổ, chăn nuôi lợn, buôn bán lợn và buôn bán sản phẩm từ lợn.

Công tác nuôi trồng thủy sản ao, hồ, cá lồng hiện sinh trưởng và phát triển ổn định. Diện tích ao, hồ nuôi trồng thủy sản là 43 ha. Số lồng nuôi cá trong lòng hồ thủy điện Bản Chát: 498 lồng. Sản lượng đánh bắt, nuôi trồng 174,73 tấn/319 tấn, bằng 54,8% kế hoạch.

Triển khai thực hiện dự án hỗ trợ ngựa sinh sản thuộc Tiểu dự án 1, dự án 9 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại bản Pá Khoang.

*\* Lâm nghiệp*

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Thường xuyên tuyên truyền lồng ghép các nội dung môi trường, đăng ký trồng cây phân tán, công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tại 43/43 bản.

- Chỉ đạo Phòng Kinh tế phối hợp với Kiểm lâm địa bàn rà soát diện

<sup>1</sup> Trong đó, trâu 5.185/4.970 con (đạt 104,3% kế hoạch); bò 2.795/2.490 con (bằng 112,25 kế hoạch); lợn 11.690/14.400 con (bằng 81,18% kế hoạch).

<sup>2</sup> Dịch tả lợn châu Phi xuất hiện tại các bản: Mừng 1, Khiết, Tu San, Chiềng Ban 1, Lun 2, Pá Liềng; số lợn chết và tiêu hủy 18 con, trọng lượng tiêu hủy 822 kg.

tích đất để trồng rừng năm 2026, đã thực hiện được 160,35/160 ha<sup>3</sup>. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,53/40,11% (đạt 98,55% kế hoạch), phấn đấu nâng tỉ lệ che phủ rừng trên địa bàn xã năm 2026 đạt 40,11%, đạt 100% kế hoạch.

- Trong 06 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn phát hiện 02 vụ cháy rừng<sup>4</sup>. Phát hiện 03 vụ chặt phá rừng (tổng diện tích rừng bị chặt phá 962 m<sup>2</sup>), yêu cầu các cá nhân vi phạm trồng lại diện tích rừng đã bị chặt phá, xử phạt VPHC với số tiền 15.000.000 đồng.

- Thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2025 cho các chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được hưởng tiền dịch vụ môi trường rừng với số tiền 11.191.034.653 đồng/42 bản, đạt 100% kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch giao rừng, kế hoạch trồng cây phân tán hiện. Xây dựng dự toán trồng rừng sản xuất. UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch trồng cây phân tán năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 15/5/2026. UBND xã đã xây dựng kế hoạch giao rừng năm 2026 trình UBND tỉnh phê duyệt tại Tờ trình số 3128/TTr-UBND ngày 08/6/2026. Hiện nay đang hoàn thiện dự toán trồng rừng sản xuất cho 21 hộ gia đình cá nhân diện tích 20,35 ha (Quế) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước 25/6/2026 phê duyệt danh mục và lựa chọn nhà thầu cung cấp cây giống.

- Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với Công an xã, Trạm Kiểm lâm địa bàn, Công ty Cổ phần Nông Lâm Fobic và các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra tiến độ trồng rừng năm 2026 và công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

#### *\* Xây dựng Nông thôn mới*

Công tác xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai đồng bộ, tích cực, triển khai Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với điều kiện thực tế của xã. UBND xã đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026 trên địa bàn<sup>5</sup>. Chỉ đạo rà soát các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí của giai đoạn 2026 - 2030. Ủy ban nhân dân xã đã thành lập Ban Chỉ đạo các

<sup>3</sup> Đối với doanh nghiệp trồng rừng trên địa bàn xã là 140 ha; hiện đã xử lý thực bì, làm đất được 90 ha; cuộc hó được 80 ha; trồng được 55/140 ha (đạt 35,7% kế hoạch), đến hết tháng 6/2026 dự kiến trồng được thêm 35 ha, lũy kế ước đạt 57,14% kế hoạch; Nhân dân thực hiện 20 ha quế hiện đã rà soát được 20,35 ha đạt 101,5% kế hoạch giao hiện đang xử lý thực bì, làm đất được khoảng 5ha.

<sup>4</sup> 01 vụ cháy thảm thực vật do không thực hiện đúng quy định pháp luật về sử dụng lửa khi đốt đồng ruộng thuộc bản Chát, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu xử phạt VPHC với số tiền 2.250.000 đồng. Phát hiện 01 vụ chặt phá rừng với diện tích bị thiệt hại 244 m<sup>2</sup> thuộc bản Cáp Na 3, xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu; xử phạt VPHC với số tiền 5.000.000 đồng. 01 vụ cháy rừng trồng cây Mắc Ca trong dự án “Trồng và phát triển cây Mắc Ca” tại xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu.

<sup>5</sup> Kế hoạch số 2642/KH-UBND ngày 20/5/2026 về việc thực hiện công tác giảm nghèo đa chiều trên địa bàn xã Mường Kim năm 2026. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 1110/KH-UBND ngày 05/3/2026 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn năm 2026 trên địa bàn xã Mường Kim.

Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Mường Kim tại Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 của UBND xã; ban hành quyết định phân công cán bộ, công chức giúp đỡ các hộ dự kiến thoát nghèo, cận nghèo năm 2026. Qua rà soát các tiêu chí, hiện xã đạt 4/10 tiêu chí<sup>6</sup>. Số sản phẩm OCOP trên địa bàn xã 04 sản phẩm của 04 chủ thể<sup>7</sup>.

*b) Công tác thủy lợi, phòng, chống lụt bão, khắc phục hậu quả thiên tai*

- Chỉ đạo, hướng dẫn các bản tổ chức nạo vét, kiểm tra các tuyến kênh mương đảm bảo đủ nước tưới tiêu phục vụ sản xuất. Thường xuyên kiểm tra, quản lý và bảo vệ nhằm nâng cao hiệu quả các công trình đã được đầu tư xây dựng.

- Ban hành Phương án của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2026 trên địa bàn xã, kiện toàn và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Chỉ huy<sup>8</sup>.

- Chỉ đạo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự căn cứ các tin cảnh báo của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Lai Châu để kịp thời thông tin để Nhân dân chủ động ứng phó với diễn biến bất lợi của thời tiết.

- Chỉ đạo, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Tổ chức kiểm tra, lập biên bản khi phát hiện các hành vi đổ rác, lấn chiếm cống, rãnh thoát nước, kênh mương thủy lợi.

**1.2. Sản xuất công nghiệp; giao thông, xây dựng**

*\* Sản xuất công nghiệp*

- Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định, trong đó, chủ yếu là công nghiệp chế biến nông sản (chế biến chè búp tươi). Tổng sản lượng chè búp khô 6 tháng đầu năm 700 tấn, giá trị sản xuất tương đương 35 tỷ đồng; đạt 35/68 tỷ đồng, đạt 51,47% kế hoạch thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026.

*\* Giao thông vận tải*

- Công tác quản lý: Thường xuyên tuyên truyền đến các tổ chức, cá

<sup>6</sup> Qua rà soát, hiện xã đang đạt 04/10 cụ thể: Tiêu chí số 1: Quy hoạch; tiêu chí số 04: Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn; tiêu chí số 7: Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số; tiêu chí số 9: Xây dựng hệ thống chính trị và hành chính công. 6/10 tiêu chí chưa đạt, cụ thể: Tiêu chí số 02: Hạ tầng kinh tế - xã hội; tiêu chí số 3: Phát triển kinh tế nông thôn; tiêu chí số 5: Văn hóa, Giáo dục, Y tế; tiêu chí số 6: Giảm nghèo và An sinh xã hội; tiêu chí số 8: Môi trường và cảnh quan nông thôn; tiêu chí số 10: Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng. Kế hoạch đạt thêm 02 tiêu chí: Tiêu chí số 02: Hạ tầng kinh tế - xã hội; tiêu chí số 10 tiếp cận pháp luật và an ninh, quốc phòng.

<sup>7</sup> Mật ong Pha Mu, Mật ong Khâu Pùm, Gạo Tan Pòm, Chè Tu San.

<sup>8</sup> Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của UBND xã Mường Kim về việc Tổ chức lại Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự xã Mường Kim, Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã thành Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự xã Mường Kim; Kế hoạch số 1037/KH-UBND ngày 02/3/2026 của UBND xã Mường Kim về Phòng, chống thiên tai giai đoạn 2026 - 2030; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 02/3/2026 của UBND xã về Ban hành phương án Ứng phó thiên tai năm 2026 trên địa bàn xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu;

nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Chủ động phối hợp với Sở Xây dựng quản lý tốt hành lang an toàn giao thông trên các tuyến đường quốc lộ: QL32, QL279D, QL279 theo Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 quy định về quản lý đường đô thị, đường xã, đường thôn; trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Công tác phát triển giao thông: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa, các tuyến đường xã, đường liên bản hiện đã khởi công tháng 6 năm 2026 dự kiến hoàn thành tháng 11 năm 2026.

#### *\* Quản lý xây dựng*

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các hoạt động quản lý về xây dựng, vật liệu xây dựng, kiến trúc quy hoạch và nhà ở theo quy định. Khảo sát, báo cáo giá vật liệu định kỳ theo quy định. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với nhà thầu thi công thường xuyên giám sát, kiểm tra đẩy nhanh tiến độ khởi công xây dựng các dự án khẩn cấp trên địa bàn xã<sup>9</sup>.

### **1.3. Thương mại - dịch vụ - du lịch**

- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã phát triển đa dạng, mạng lưới kinh doanh được mở rộng, thị trường hàng hóa cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của Nhân dân. Toàn xã có 206 cơ sở kinh doanh, buôn bán các mặt hàng phục vụ Nhân dân. Tổng doanh thu ngành thương mại, dịch vụ 6 tháng đầu năm là 40,6 tỷ đồng/63,4 tỷ đồng, đạt 64% kế hoạch năm.

- Hoạt động du lịch trên địa bàn xã tiếp tục được quan tâm và đạt nhiều kết quả tích cực. Trong 6 tháng đầu năm 2026, xã đã tổ chức thành công 03 Lễ hội truyền thống nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ và Chương trình Chào năm mới, duy trì hoạt động tại chợ phiên Tà Mung... Góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với quảng bá hình ảnh địa phương, thu hút khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm. Công tác phối hợp số hóa các điểm du lịch tiếp tục được triển khai; hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch được tăng cường thông qua các trang mạng xã hội, từng bước nâng cao hiệu quả giới thiệu tiềm năng, thế mạnh du lịch của xã. Tổng lượng khách du lịch trong 6 tháng đầu năm đạt 23.618/50.110 lượt người, đạt 47,13% kế hoạch (*trong đó khách quốc tế 260 lượt người, khách nội địa 23.358 lượt người*). Doanh thu ngành du lịch toàn xã lũy kế đạt khoảng 17,02/32,51 tỷ đồng, bằng 52,34% kế hoạch.

### **1.4. Công tác quản lý ngân sách**

<sup>9</sup> Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường Quốc lộ 279 đi Pá Khoang- Pá Chít Tầu - Hua Chít, tuyến Quốc lộ 279 từ bản Khi đi Noong Ma, xã Mường Kim; Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai tuyến đường 279 đi Pu Cay, Huổi Bắc, xã Mường Kim; Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai nhà hành chính Trường THCS điểm bản Là xã Mường Kim; khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai cấp nước sinh hoạt bản Cáp Na 2, xã Mường Kim;

Tập trung điều hành, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2026 bảo đảm sự chủ động, cân đối trong thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương theo dự toán tỉnh và Hội đồng nhân dân xã giao. Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp quản lý thu ngân sách nhà nước, chống thất thu ngân sách năm 2026; thực hiện quyết toán ngân sách năm 2025 đảm bảo theo quy định. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã lũy kế đến thời điểm báo cáo đạt 5.844,299/10.500 triệu đồng, bằng 56% dự toán; ước thực hiện đến ngày 30/6/2026 đạt 6.542,385/10.500 triệu đồng, bằng 62% dự toán (*trong đó: Thu ngân sách xã được hưởng đạt 5.353,213/9.867 triệu đồng, đạt 54% dự toán; ước thực hiện đến ngày 30/6/2026 là 5.854,799/9.867 triệu đồng đạt 59% dự toán*). Thu tiền sử dụng đất đạt 1.286/1.500 triệu đồng, bằng 85,7% kế hoạch; ước thực hiện đến ngày 30/6/2026 thu tiền sử dụng đất đạt 1.500 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm.

Tổng chi ngân sách trên địa bàn thực hiện đến ngày 15/6/2026 là 99.529,104/236.472,396 triệu đồng đạt 42% dự toán, ước thực hiện đến ngày 30/6/2026 là 118.136/236.472,396 triệu đồng đạt 50% dự toán.

### ***1.5. Công tác phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, thu hút đầu tư***

- Các hoạt động nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được quan tâm thúc đẩy. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030; ban hành và tổ chức thực hiện các Kế hoạch về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển kinh tế tư nhân.

- Trên địa bàn xã có 206 hộ kinh doanh, 21 hợp tác xã hoạt động. Trong 6 tháng đầu năm đã phối hợp với Thuế cơ sở 2 thực hiện rà soát các hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã trên địa bàn xã. Trong đó: thành lập mới là: 32 hộ, giải thể HTX và chấm dứt kinh doanh: 10 trường hợp; thay đổi nội dung kinh doanh: 26 trường hợp; đăng ký cấp lại giấy chứng nhận: 02 trường hợp, tạm ngừng hoạt động: 01 trường hợp; hoạt động trở lại 01 trường hợp.

- Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với Công ty TNHH ĐTXD và PTNN Lai Châu thực hiện dự án Trang trại nuôi lợn tại xã Mường Kim, đến thời điểm báo cáo đang triển khai thi công xây dựng phần móng, đạt khoảng 35% tiến độ triển khai dự án.

### ***1.6. Thực hiện kế hoạch đầu tư công***

Công tác triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công và các Chương trình mục tiêu quốc gia được thực hiện quyết liệt, UBND xã đã bám sát các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy xã và tình hình thực tế của địa

phương, ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được giao vốn tập trung triển khai thực hiện theo kế hoạch. Tổng kế hoạch vốn 892 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương (nguồn thu tiền sử dụng đất).

### ***1.7. Công tác lập quy hoạch chung xã***

Ngày 04/4/2026, UBND tỉnh Lai Châu đã phê duyệt Quy hoạch chung xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu đến năm 2045 tại Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 04/4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu. UBND xã đã ban hành Thông báo số 1914/TB-UBND ngày 19/4/2026 về việc công bố công khai Quy hoạch chung xã Mường Kim, tỉnh Lai Châu đến năm 2045 để nhân dân các bản nắm và triển khai thực hiện. Căn cứ Quy hoạch chung xã, đã chỉ đạo Phòng Kinh tế phối hợp với Đơn vị tư vấn khảo sát lập đồ án quy hoạch chi tiết Khu trung tâm Hành chính mới xã Mường Kim.

### ***1.8. Tài nguyên - môi trường***

#### ***\* Công tác quản lý đất đai***

Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường, xử lý vi phạm hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã. Trong 6 tháng đầu năm, tiếp nhận và giải quyết 111 hồ sơ liên quan đến cấp GCN QSDĐ, trong đó đã giải quyết 85 hồ sơ; đang giải quyết 26 hồ sơ; không có hồ sơ quá hạn. Xử phạt 02 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai với số tiền 10.000.000 đồng.

Đã thực hiện rà soát, đối chiếu, cập nhật thông tin cá nhân trong CSDL đất đai được 3.077/3.876 hồ sơ, bằng 79,4%, đang tiếp tục cập nhật thông tin cá nhân trong CSDL đất đai số hồ sơ còn lại.

#### ***\* Công tác quản lý môi trường***

Công tác vệ sinh môi trường được duy trì thường xuyên; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái Đất, Ngày Nước Thế giới, Ngày Môi trường Thế giới, Ngày Khí tượng Thế giới, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế đa dạng sinh học năm 2026 trên địa bàn xã.

Chỉ đạo 43/43 bản tổ chức phát dọn vệ sinh môi trường, vệ sinh chuồng trại, chuẩn bị công tác tái đàn. Đã xử phạt 01 cá nhân vứt rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định với số tiền phạt 1.500.000 đồng. Đồng thời buộc cá nhân vi phạm thu gom, dọn dẹp, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải đã đổ không đúng nơi quy định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; khôi phục lại tình trạng môi trường ban đầu.

#### ***\* Công tác quản lý khoáng sản, tài nguyên nước***

Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; đẩy mạnh tuyên truyền, kiểm tra, giám sát nhằm ngăn ngừa, xử lý

các trường hợp vi phạm, bảo đảm khai thác và sử dụng tài nguyên đúng quy định của pháp luật.

## **2. Văn hóa - Xã hội**

### **2.1. Giáo dục - Đào tạo**

Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã theo Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 45-KH/ĐU, ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ của Đảng ủy xã<sup>10</sup>. Duy trì 11/11 trường đạt chuẩn quốc gia, giữ vững đạt chuẩn PCGD cho trẻ mầm non 5 tuổi, chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 và xóa mù chữ mức độ 2.

- Tổ chức công tác dạy và học năm học 2025 - 2026 đảm bảo theo Kế hoạch đề ra. Tổ chức, tham gia các kỳ thi cấp xã, cấp tỉnh đạt nhiều kết quả<sup>11</sup>. Triển khai thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm theo Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng xã hội học tập và Phong trào thi đua xây dựng xã hội học tập, đẩy mạnh học tập suốt đời xã Mường Kim. Chỉ đạo các đơn vị trường học trên địa bàn tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam lần thứ V năm 2026. Chỉ đạo các đơn vị trường học trực thuộc xây dựng kế hoạch và tổ chức lễ tổng kết năm học 2025 - 2026 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị đảm bảo an toàn, thực hiện nghiêm chỉ đạo của ngành giáo dục.

- Ban hành Kế hoạch, Quyết định kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách và công tác duy trì sĩ số tại các đơn vị trường học, năm học 2025 - 2026<sup>12</sup>.

- Phối hợp với trường Trung học Phổ thông chuẩn bị các điều kiện và tổ

<sup>10</sup> Kết luận số 91-KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 45-KH/ĐU, ngày 31/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 24/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Kế hoạch số 74-KH/ĐU, của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030.

<sup>11</sup> Tham dự cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh học sinh trung học năm học 2025 - 2026 do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu tổ chức; Kết quả có 02 em đạt giải khuyến khích trong cuộc thi.

Tổ chức Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã các môn văn hóa lớp 8, 9 với tổng số 73 em học sinh tham gia dự thi; kết quả có 35 em học sinh đoạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã.

Tham gia kỳ thi học sinh giỏi lớp 8, 9 cấp tỉnh năm học 2025 - 2026 do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lai Châu tổ chức với 22 em; kết quả có 11 em học sinh đạt giải (01 em đạt giải nhất, 03 em đạt giải nhì, 03 em đạt giải ba và 04 em đạt giải khuyến khích).

Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp xã năm học 2025 - 2026 với sự tham gia của 111 giáo viên đến từ 11 đơn vị trường học trực thuộc. Kết quả có 108/111 giáo viên được công nhận danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp xã.

<sup>12</sup> Kế hoạch số 1920/KH-UBND ngày 16/4/2026 của UBND xã Mường Kim về kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách và công tác duy trì sĩ số tại các đơn vị trường học, năm học 2025 - 2026; Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 01/5/2026 về thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh và công tác duy trì sĩ số học sinh tại các đơn vị trường học, năm học 2025 - 2026. Đã tổ chức kiểm tra 11/11 đơn vị trường học trực thuộc UBND xã. Qua kiểm tra, các đơn vị cơ bản thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định; công tác duy trì sĩ số học sinh được quan tâm, nền nếp dạy và học ổn định. Đoàn kiểm tra đã hướng dẫn các đơn vị khắc phục một số tồn tại trong công tác cập nhật, lưu trữ hồ sơ.

chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm học 2025 - 2026 với 135 thí sinh đăng ký và tham gia dự thi, đạt 100%.

## 2.2. Y tế - Dân số

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 04/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số giải pháp tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2026 - 2030. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng, chống dịch bệnh được tập trung chỉ đạo, thực hiện. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn xã Mường Kim đợt I năm 2026 được 1.778/5.712 lượt người đạt 31,12% kế hoạch. Tổng số lượt khám, chữa bệnh cho Nhân dân là 20.299/46.000 lượt, đạt 44,12% kế hoạch<sup>13</sup>. Công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm được tăng cường chỉ đạo, kiểm soát và kịp thời phát hiện các loại dịch bệnh<sup>14</sup>. Duy trì tiêm chủng mở rộng đảm bảo an toàn và hiệu quả<sup>15</sup>. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng chiếm 14,64%/14,73%, đạt 100,64% kế hoạch; suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 21,83%/21,93%, đạt 100,45% kế hoạch. Dân số toàn xã 20.526 người, dân số là người dân tộc thiểu số 20.112 người, chiếm 97,98% so với dân số toàn xã.

- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế 20.313/18.456 người, đạt 110,1% kế hoạch<sup>16</sup>; tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử đạt 75%, đạt 88,23% kế hoạch.

- Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành tổ chức kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể và thức ăn đường phố trên địa bàn<sup>17</sup>. Trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn xã không có ca, vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra.

- Thực hiện chương trình phòng, chống HIV/AIDS: Tổ chức giám sát,

<sup>13</sup> Số lượt điều trị ngoại trú và kê đơn là 10.918/22.673 lượt, đạt 48,15% kế hoạch.

<sup>14</sup> Đến thời điểm báo cáo không có dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn xã, một số bệnh truyền nhiễm mắc cao như cúm, tiêu chảy, thủy đậu được phát hiện và điều trị kịp thời.

<sup>15</sup> Tổng số trẻ < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 121/276 (bằng 43,84%); tổng số trẻ < 1 tuổi được tiêm vắc xin phòng viêm não nhật bản B mũi 1 và mũi 2 là 116/309 (bằng 37,54%); tổng số trẻ 2 tuổi được tiêm vắc xin phòng viêm não nhật bản B mũi 3: 125/325 (đạt 38,48%); Tổng số trẻ 18 tháng tuổi được tiêm nhắc DPT mũi 4: 160/309 (bằng 51,77%); Tổng số trẻ 18 tháng tuổi được tiêm Sởi - Rubella: 160/309 (bằng 51,77%); Tổng số phụ nữ có thai được tiêm vắc xin phòng uốn ván UV2+ trở lên: 101/305 (bằng 33,11%).

<sup>16</sup> Số người tham gia bảo hiểm y tế 20.313/18.456 người, đạt 110,1% kế hoạch; số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc 781/605 người, đạt 129,1 % kế hoạch, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 73/191 người, đạt 38,2% kế hoạch, Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp 616/496 người, đạt 124,2% kế hoạch, Thực hiện rà soát, cập nhật dữ liệu cấp thẻ BHYT cho 20.213 người, trong đó: người đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 60/QĐ-BDTT ngày 29/01/2026 cho 12.253 người; hộ nghèo, hộ cận nghèo 2.200 người; đối tượng bảo trợ xã hội và hưu trí xã hội, tổng số: 1.899 người.

<sup>17</sup> Tổ chức kiểm tra liên ngành vệ sinh an toàn thực phẩm trước trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 với 37 cơ sở trong đó cơ sở sản xuất thực phẩm 01 cơ sở, cơ ở kinh doanh thực phẩm: 28 cơ sở, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và Bếp ăn tập thể: 08 cơ sở. Qua kiểm tra phát hiện 15 cơ sở vi phạm (bán hàng hóa quá hạn sử dụng).

phát hiện và tư vấn cho các đối tượng nguy cơ cao. Tư vấn xét nghiệm, làm test nhanh tìm kháng thể kháng HIV tại Trạm Y tế và các điểm trạm, định kỳ gửi mẫu xét nghiệm lên tuyến trên với những trường hợp test nhanh HIV (+). Tổ chức truyền thông, tiếp cận tư vấn lấy máu xét nghiệm tự nguyện cho phụ nữ mang thai và phụ nữ có nguy cơ cao.<sup>18</sup>

### **2.3. Văn hoá - Thể thao và Thông tin truyền thông**

- Ủy ban Nhân dân xã đã ban hành các kế hoạch triển khai nhiệm vụ công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn; thực hiện rà soát, đề xuất các nội dung đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn xã. Tham mưu Đảng ủy xã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 19-CTr/TU, ngày 03/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn.

- Công tác tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và triển khai hiệu quả<sup>19</sup>. Ban hành Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác Gia đình, Ban Chỉ đạo Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và ban hành quy chế hoạt động của các Ban Chỉ đạo theo quy định. Ban hành Kế hoạch tổ chức Ngày Quốc tế Hạnh phúc, Ngày Gia đình Việt Nam.

- Công tác thông tin, tuyên truyền được duy trì thường xuyên, bám sát

<sup>18</sup> Tổng số điều trị ARV 30/32 (bằng 94%); hoạt động can thiệp giảm thiểu tác hại: 20/20 (bằng 100%); điều trị Methadol 52/65 (bằng 80%); hoạt động tư vấn xét nghiệm tự nguyện phụ nữ mang thai 106/235 (bằng 45%); đối tượng nguy cơ cao 59/60 (bằng 98%).

<sup>19</sup> Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh tổ chức hướng dẫn biểu diễn cho 01 đội văn nghệ quần chúng của bản Lướt với 05 buổi/15 người tham gia. Tổ chức thành công chương trình đi bộ “Phát huy truyền thống cách mạng - Vững bước vào kỷ nguyên mới” với trên 340 người tham gia.

Phối hợp tổ chức Hội thi “Tuổi trẻ Mường Kim tự hào nguồn cội - Tiếp bước truyền thống quê hương anh hùng” dành cho học sinh năm 2026 do Đảng ủy tổ chức.

Chỉ đạo tuyên truyền, vận động Nhân dân trên địa bàn treo băng rôn, cờ Đảng, cờ Tổ quốc, cờ chuỗi chào mừng các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương và các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn như: Tuyên truyền chào năm mới 2026, Tết Nguyên đán Bính Ngọ; Chào mừng kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; Chào mừng Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI, bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; tuyên truyền công tác PCCCR - BVR, công tác phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền, triển khai thực hiện các văn bản của các cấp.

Trong 6 tháng đầu năm, xã đã tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện tiêu biểu như: Chương trình Chào năm mới 2026; 03 lễ hội truyền thống gồm Lễ hội Đua thuyền đuôi én truyền thống, Lễ hội Xòe Chiêng, Lễ hội Gầu Tào; Lễ phát động Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân - Vì an ninh Tổ quốc” năm 2026; tổ chức thành công Đại hội Thể dục thể thao xã Mường Kim lần thứ I năm 2026. Đồng thời thành lập đoàn vận động viên tham gia Giải đua thuyền đuôi én tại Lễ hội Đền thờ Vua Lê Thái Tổ năm 2026 và Lễ hội đua thuyền xã Khoen On, góp phần tăng cường giao lưu văn hóa, thể thao giữa các địa phương. Duy trì tổ chức các hoạt động văn nghệ, trình diễn văn hóa truyền thống tại Chợ phiên Tà Mung phục vụ Nhân dân và du khách.

nhiệm vụ chính trị của địa phương và các nội dung chỉ đạo của cấp trên<sup>20</sup>.

- Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm đầu tư, nâng cấp; 100% bản có mạng truyền số liệu, đường truyền cáp quang; xã có 44 trạm BTS trên địa bàn đã cơ bản khắc phục tình trạng chưa có sóng hoặc lờm sóng tại các bản; 100% các bản có sóng điện thoại di động và mạng 3G, 4G; có 05 bản được phủ sóng 5G<sup>21</sup>.

#### ***2.4. Lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***

##### ***\* Về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số***

Trên địa bàn xã, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh đã bước đầu ứng dụng công nghệ, nền tảng số trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm (sử dụng mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt), góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh: Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo UBND xã tăng cường triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiếp cận các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, bước đầu hình thành sự liên kết giữa Nhà nước - Nhà khoa học - Nhà nông trong chuyển giao một số tiến bộ kỹ thuật, giống cây trồng, vật nuôi mới.

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước: Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng kế hoạch triển khai mô hình hệ sinh thái các dịch vụ chuyển đổi số dành cho chính quyền cấp xã, phối hợp với VNPT Lai Châu tổ chức 02 lớp tập huấn sử dụng các dịch vụ chuyển đổi số dành cho chính quyền cấp xã đến toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn với số lượng 160 người tham dự. Tăng cường ứng dụng AI (ChatGPT, Gemini, Copilot...) trong soạn thảo văn bản, xây dựng giáo án giảng dạy, xây dựng kế hoạch, đề án, báo cáo giúp nâng cao chất lượng nội dung và rút ngắn thời gian xử lý công việc.

##### ***\* Về Dịch vụ công trực tuyến***

<sup>20</sup> Xây dựng và đăng tải 28 video, clip tuyên truyền, thu hút trên 20.000 lượt xem và khoảng 1.500 lượt chia sẻ. Nội dung tuyên truyền tập trung vào các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và các hoạt động nổi bật của địa phương; qua đó góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền, tạo sự lan tỏa và tiếp cận rộng rãi đến Nhân dân. Thực hiện 510 giờ tiếp sóng, trong đó 470 giờ tiếp sóng chương trình VOV1; thực hiện 40 giờ chương trình tự sản xuất. Nội dung các chương trình tự sản xuất tập trung tuyên truyền về công tác phòng cháy, chữa cháy; thông tin tình hình, diễn biến các nhiệm vụ chính trị tại địa phương; tuyên truyền tuyển dụng lao động; tuyên truyền phục vụ bầu cử và niêm yết danh sách cử tri....

<sup>21</sup> Gồm các bản: Lướt, Ngã Ba, Nà Khương, Mường 1 và Lun 1; tiếp tục phối hợp với các nhà mạng tổ chức triển khai tại các bản: Cáp Na 1, Pu Cay và bản Khi vào cuối năm 2026.

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã tiếp nhận 2.211 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến 2.166/2.211 đạt 97,96%; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tiếp 25/2.211 đạt 1,13%. Từ kỳ trước chuyển sang 20 hồ sơ.

- Kết quả giải quyết: Đã giải quyết: 2.178 hồ sơ; trong đó:

+ Trước hạn: 2.163 hồ sơ.

+ Đúng hạn: 06 hồ sơ.

+ Quá hạn: 09 hồ sơ. Do hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tư pháp mới được đưa vào vận hành nên vẫn đang trong quá trình hoàn thiện; một số lỗi kỹ thuật, cấu hình quy trình xử lý hồ sơ và thời gian trả kết quả trên hệ thống chưa phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, việc hỗ trợ, khắc phục lỗi từ đơn vị quản lý hệ thống có thời điểm chưa kịp thời, dẫn đến phát sinh trạng thái quá hạn đối với một số hồ sơ trên hệ thống.

- Hồ sơ đang giải quyết: 34 hồ sơ đang trong hạn.

- Số hồ sơ bị hủy do không đủ điều kiện giải quyết: 09 hồ sơ. Chỉ đạo các đơn vị thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết hồ sơ; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn nhằm hạn chế thấp nhất hồ sơ trễ hạn, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức.

- Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ 2.178/2.178 hồ sơ, đạt 100%.

- Việc thu phí, lệ phí: chỉ đạo Trung tâm Hành chính công thực hiện nghiêm túc việc công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí đối với các thủ tục hành chính, thực hiện thu đúng, thu đủ theo quy định. Tổng số phí, lệ phí thu được: 47.856.000 đồng<sup>22</sup>. Trong quá trình triển khai, UBND xã chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp về việc thu phí, lệ phí.

## ***2.5. Công tác lao động, việc làm và thực hiện các chính sách xã hội, công tác giảm nghèo***

### ***\* Công tác Lao động, việc làm***

- Trong 6 tháng đầu năm 2026 đã tổ chức rà soát, đăng ký cho 120 lượt người lao động tham gia 03 đợt phỏng vấn chương trình thời vụ Hàn Quốc, kết quả đã có 27 lao động xuất cảnh đi làm việc tại Hàn Quốc; Tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 32/9 người<sup>23</sup>, đạt 355,6% kế hoạch giao. Hỗ trợ cho 09 lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng với tổng số tiền là 87.312.000 đồng.

- Phối hợp với Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Xây dựng Vincons

<sup>22</sup> Chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký: 37.997.500 đồng; Hộ tịch: 6.828.500 đồng; Đăng ký thành lập hộ kinh doanh: 2.730.000 đồng. Lệ phí môn bài: 300.000 đồng.

<sup>23</sup> Lao động đi làm việc tại Hàn Quốc 27 người, Nhật Bản 03 người và Đài Loan 02 người.

tuyển dụng lao động tham gia xây dựng Nhà máy điện năng lượng mặt trời thủy điện bản Chát 1, 2 với 561 lao động.

- Giải quyết việc làm cho 1097/280 người, đạt 391,75% kế hoạch.

*\* Thực hiện các chính sách an sinh, xã hội*

- Công tác an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách tiếp tục được triển khai thực hiện. Chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, bảo đảm công khai, minh bạch các chính sách an sinh, xã hội trên địa bàn đặc biệt là các đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn<sup>24</sup>.

- Kiện toàn Hội đồng đánh giá xét duyệt mức độ khuyết tật họp xét cho 14 đối tượng. Giải quyết cắt giảm và hỗ trợ 02 hồ sơ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội và 02 hồ sơ cho đối tượng hưu trí xã hội. Thực hiện tặng mới cho 67 người; điều chỉnh 05 người.

- Rà soát đối chiếu, báo cáo số liệu bảo hiểm y tế đối tượng bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội, người có công với cách mạng gửi Sở Y tế, Sở Nội vụ Quý I năm 2026.

- Tuyên truyền về chế độ chính sách liên quan đến bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội tại các bản trên địa bàn.

- Tổ chức rà soát, hỗ trợ sửa chữa nhà ở cho 02 hộ là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, đã thực hiện sửa chữa xong, tuy nhiên đang chờ kinh phí hỗ trợ.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức kỷ niệm 79 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2026).

*\* Công tác giảm nghèo*

<sup>24</sup> Cấp phát gạo cứu đói hỗ trợ Tết Nguyên Đán cho 196 hộ/953 nhân khẩu với 14.925 kg gạo; cấp phát gạo cứu đói giáp hạt cho 201 hộ/1.043 nhân khẩu với 46.935 kg gạo. Phối hợp với Hội chữ thập đỏ tỉnh, Quỹ thiện tâm - Tập đoàn Vingroup trao tặng 200 suất quà và 100 triệu đồng cho 200 hộ thuộc đối tượng chính sách là những hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn.

- Thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, tổ chức thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán Bình Ngô năm 2026 cho 43 người, với tổng số 22.900.000 đồng; trong đó, quà của Chủ tịch nước 12.900.000 đồng (bằng tiền mặt); quà của UBND tỉnh 10.000.000 đồng (bằng tiền mặt); quà của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã 7.800.000 đồng cho 39 người có công với cách mạng (bằng hiện vật).

- Tổ chức Lễ Chúc Thọ, mừng thọ cho 149 cụ, trong đó: tròn 100 tuổi: 01 cụ, 90 tuổi: 10 cụ, trên 100 tuổi: 29 cụ, 95 tuổi: 07 cụ; 85 tuổi: 13 cụ; 80 tuổi: 19 cụ; 75 cụ: 17 người; 70 tuổi: 53 cụ.

- Tiếp nhận, đề nghị Sở Nội vụ giải quyết 06 hồ sơ mai táng phí cho đối tượng Dân công hỏa tuyến và 01 đối tượng 142. Phối hợp đưa 01 người có công tham gia thăm chiến trường xưa năm 2026 theo kế hoạch của Sở Nội vụ.

- Thanh toán trợ cấp ưu đãi thường xuyên cho người có công đảm bảo đúng người, thời gian theo quy định. Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện chính sách, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn ngân sách trung ương năm 2025.

Đến thời điểm báo cáo, toàn xã có 469 hộ nghèo (chiếm 11,98%) và 212 hộ cận nghèo (chiếm 5,42%). Triển khai họp rà soát các hộ dự kiến thoát nghèo, cận nghèo năm 2026; rà soát, phân công nhiệm vụ phụ trách hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các thành viên đảm bảo cụ thể, rõ người, rõ việc. Chỉ đạo các thành viên được phân công phụ trách hộ thường xuyên xuống cơ sở, bám nắm tình hình các hộ dự kiến thoát nghèo, thoát cận nghèo; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, định hướng các hộ gia đình phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập để chủ động vươn lên thoát nghèo. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xem xét, chỉ đạo giải quyết. Chỉ đạo Công an xã rà soát các hộ nghèo, hộ cận nghèo có trường hợp nghi ngại ma túy để thực hiện các biện pháp quản lý, test kiểm tra và lập hồ sơ xử lý theo quy định.

## **2.6. Công tác dân tộc, tôn giáo**

### *\* Công tác dân tộc*

- Đời sống Nhân dân các dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ổn định, các chính sách an sinh, xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Tăng cường thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 06/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu về việc tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với việc giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 22/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xóa bỏ hủ tục, phong tục, tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh trong nhân dân các dân tộc tỉnh Lai Châu giai đoạn 2024-2030.

- Các chương trình, dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được triển khai đúng tiến độ; tỷ lệ giải ngân nguồn vốn kéo dài đạt 74,38%<sup>25</sup>. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 phục vụ đoàn giám sát HĐND tỉnh.

- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ, động viên người có uy tín theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ nhân dịp Tết

<sup>25</sup> Thực hiện Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026 bổ sung Tiểu Dự án 1, Dự án 9 số vốn thực hiện 255 triệu nội dung hỗ trợ giống vật nuôi, UBND xã ban hành Công văn số 1480/UBND-VHXXH ngày 26/3/2026 về việc rà soát mục tiêu, nhiệm vụ và nhu cầu nguồn lực thực hiện các nội dung về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trong giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tổng nguồn vốn kéo dài từ năm 2025 sang năm 2026 là 589,503 triệu đồng, Tính đến thời điểm báo cáo đã giải ngân được 438,475 triệu đồng, đạt 74,38% kế hoạch vốn giao.

Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 cho 43 người uy tín với tổng kinh phí 21.500.000 đồng.

*\* Công tác tôn giáo*

Hoạt động tôn giáo trên địa bàn ổn định, đồng bào theo tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước<sup>26</sup>.

### **3. Lĩnh vực Quốc phòng - An ninh**

#### **3.1. Quốc phòng**

Chỉ đạo duy trì nghiêm các chế độ trực như: trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không, trực phòng chống thiên tai. Trực trong các ngày lễ, tết, sự kiện chính trị của địa phương.

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển quân, tuyển sinh năm 2026 bảo đảm đúng đủ chỉ tiêu được giao. Tổ chức tốt công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu công dân độ tuổi 17; rà soát công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ độ tuổi 18 đến 25 bảo đảm chặt chẽ, tổ chức thăm hỏi, động viên Chiến sĩ mới nhập ngũ năm 2026.

Chỉ đạo xây dựng, bổ sung hệ thống văn kiện tác chiến theo đúng hướng dẫn. Tổ chức huấn luyện Dân quân cơ động 112 đồng chí, Dân quân tại chỗ 157 đồng chí theo đúng kế hoạch, chương trình huấn luyện. Kết quả kiểm tra 100% đạt yêu cầu, trong đó có 70% khá, giỏi trở lên. Triệu tập 101 đồng chí dân quân năm thứ nhất bàn giao cho Ban Chỉ huy PTKV3 – Tân Uyên huấn luyện. Làm tốt công tác dân vận tại bản Pu Cay, bản Nậm Pát bảo đảm chặt chẽ.

#### **3.2. An ninh - trật tự**

Chỉ đạo lực lượng Công an xã chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu cấp ủy, chính quyền giải quyết các vụ việc phát sinh ngay từ cơ sở; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội. Công tác quản lý cư trú, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ được thực hiện nghiêm túc. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tiếp tục được duy trì, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Kết quả, án hình sự 02 vụ; án ma túy bắt giữ điều tra 22 vụ/28 đối tượng; lập 04 hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại tỉnh; án kinh tế - môi trường đã xử lý 02 vụ<sup>27</sup>.

<sup>26</sup> Trên địa bàn xã có 7 bản có đồng bào theo tôn giáo tại các bản Nậm Pát, Hồ Ta, Tu San, Đán Tọ, Nậm Mờ, Huồi Bắc, Pá Khoang; Tổng toàn xã có 103 hộ/657 khẩu (Công giáo: 86 hộ/555 khẩu, trong đó Nam: 290, Nữ: 265; Tin lành: 17 hộ/102 khẩu, trong đó Nam: 58, Nữ: 44);

<sup>27</sup> - Khởi tố điều tra 01 vụ = 01 đối tượng; 01 vụ hủy hoại tài sản đã chuyển phòng PC-02 Công an tỉnh Lai Châu lập hồ sơ tin báo để điều tra xác minh theo thẩm quyền (So với cùng kỳ năm 2025 giảm 03 vụ bằng 60%).

#### **4. Công tác xây dựng chính quyền, tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng**

##### **4.1. Công tác Nội vụ, xây dựng chính quyền; cải cách hành chính**

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo liên quan đến lĩnh vực tổ chức bộ máy, quản lý và sử dụng biên chế; các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã thực hiện bảo đảm chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Việc quản lý, sử dụng biên chế được thực hiện bảo đảm theo đúng phân cấp, đúng thẩm quyền và đúng quy trình. Căn cứ chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao, UBND xã trình Thường trực Đảng ủy, HĐND xã xét duyệt và giao chỉ tiêu cụ thể biên chế hành chính, sự nghiệp cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, bố trí sắp xếp vị trí việc làm cho cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo phù hợp với trình độ, chuyên ngành đào tạo và sở trường, năng lực công tác đúng vị trí việc làm và Quyết định giao biên chế hành chính, sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị năm 2026.

- Thành lập Trạm Y tế xã Mường Kim, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Mường Kim đi vào hoạt động ổn định từ ngày 01/01/2026.

- Về tổ chức bộ máy chính quyền, tính thời điểm báo cáo UBND xã có 04 cơ quan chuyên môn (Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công); 13 đơn vị sự nghiệp công lập (11 đơn vị trường học; Trung tâm Dịch vụ tổng hợp; Trạm Y tế) và tổ chức hành chính khác. Thực hiện công tác cán bộ đảm bảo theo quy định<sup>28</sup>.

- Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với tỷ lệ cử tri đi bầu 100%. Được UBND tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen cho 01 tập thể và 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

---

- Bắt giữ điều tra 22 vụ/28 đối tượng (khởi tố 22 vụ/27 đối tượng; XPVPHC 01 đối tượng với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi TTTTCMT) so với cùng kỳ 2025 tăng 03 vụ bằng 115,7%. Tổng số ma túy thu giữ 106,37 gam heroin; 0,91 gam hồng phiến.

- Lập 04 hồ sơ (trong đó có 03 hồ sơ = 03 đối tượng đã có quyết định của Tòa án khu vực 2 và đã bàn giao 03 đối tượng cho Cơ sở cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu; hiện 01 hồ sơ Công an xã đã bàn giao cho Tòa án khu vực 2 chờ ra quyết định). Hiện Công an xã đang quản lý 32 hồ sơ người sử dụng trái phép chất ma túy, 50 hồ sơ người nghiện, 18 hồ sơ người sau cai nghiện, 03 hồ sơ cải tạo không giam giữ, 05 hồ sơ án treo, 116 hồ sơ người tái hòa nhập cộng đồng.

- Xử lý 02 vụ (so với cùng kỳ 2025 tăng 02 vụ bằng 200%) cụ thể: Bắt giữ 01 vụ 01 đối tượng về hành vi Tàng trữ lâm sản trái phép; thu giữ 302 tấm gỗ Pơ Mu (tương đương 10,663 m<sup>3</sup> gỗ) đã chuyển phòng PC03 Công an tỉnh Lai Châu khởi tố điều tra theo thẩm quyền); Xử phạt vi phạm hành chính 01 vụ, 01 đối tượng về hành vi vận chuyển khoáng sản trái phép (07 m<sup>3</sup> cát) với số tiền 800.000 đồng.

<sup>28</sup> Bổ nhiệm 02 Phó Trưởng phòng Kinh tế, 02 Phó Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội; Điều động và bổ nhiệm 01 Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, 01 Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, 01 Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp; Cho thôi Phó Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội 01 trường hợp, Cho thôi kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Tổ chức thành công Đại hội Người cao tuổi, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học xã Mường Kim theo hướng dẫn<sup>29</sup>.

- Ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện sắp xếp bản và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở bản trên địa bàn xã Mường Kim theo sự chỉ đạo của cấp trên.

- Công tác cải cách hành chính tiếp tục được UBND xã quan tâm chỉ đạo, triển khai đồng bộ trên các lĩnh vực. Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì nền nếp; công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cơ bản bảo đảm đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và tổ chức khi thực hiện giao dịch hành chính. Công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; việc công khai thủ tục hành chính, phí, lệ phí, thời gian giải quyết được niêm yết đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết công việc tiếp tục được đẩy mạnh; tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số ngày càng nâng cao. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường; tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức có chuyển biến tích cực. Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với cơ quan hành chính nhà nước. Tại Hội nghị đánh giá Công tác cải cách hành chính tỉnh Lai Châu năm 2025, xã Mường Kim được đánh giá xếp hạng 12/38 xã, phường.

- Xây dựng đề án vị trí việc làm của công chức và viên chức gửi Sở Nội vụ trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định. Thực hiện rà soát, đăng ký tiếp nhận, tuyển dụng công chức cấp xã. Hướng dẫn cán bộ, công chức (CBCC) thực hiện cập nhật “Hồ sơ tự khai” trên hệ thống phần mềm quản lý CBCCVC.

- Tổ chức họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, ban hành các quyết định khen thưởng hoàn thiện hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, báo cáo đánh giá thực hiện chế độ chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; báo cáo số liệu theo Thông tư 18/2025/TT-BNV; báo cáo Sơ kết Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp”; báo cáo kết quả sơ kết 01 năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, kết quả công tác kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.

<sup>29</sup> - Đại hội Hội Chữ thập đỏ xã đã bầu 25 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, 05 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, 01 đ/c Chủ tịch và 02 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã Mường Kim khóa I, nhiệm kỳ 2026-2031.

- Đại hội Hội Khuyến học xã đã bầu 25 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, 05 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, 01 đ/c Chủ tịch và 02 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Khuyến học xã Mường Kim khóa I, nhiệm kỳ 2026-2031.

- Đại hội Hội Người cao tuổi xã đã bầu 15 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, 05 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, 01 đ/c Chủ tịch và 02 đồng chí Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi Mường Kim khóa I, nhiệm kỳ 2026-2031.

- Thành lập Ban chỉ đạo và triển khai điều tra cơ sở hành chính, sự nghiệp năm 2026 trên địa bàn xã; triển khai xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của tổ chức và danh mục sản phẩm/công việc, đơn vị sản phẩm/công việc chuẩn, danh mục sản phẩm/công việc quy đổi trình phê duyệt. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế năm 2026; triển khai hồ sơ xét nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề 6 tháng đầu năm 2026 cho cán bộ, công chức, viên chức HĐND, UBND xã và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã.

#### **4.2. Công tác Tư pháp, Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng**

##### **\* Công tác Tư pháp**

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ tư pháp theo chỉ đạo của cấp trên, bám sát tình hình thực tiễn địa phương; đặc biệt, chú trọng triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đổi mới công tác xây dựng, thi hành pháp luật.

Thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đảm bảo theo quy định<sup>30</sup>. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hộ tịch, quốc tịch, nuôi con nuôi<sup>31</sup>.

##### **\* Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng**

- Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện, thông báo tiếp công dân hằng tháng đảm bảo, đầy đủ; tổ chức tiếp công dân thường xuyên, định kỳ đảm bảo theo quy định<sup>32</sup>; ban hành kế hoạch số

<sup>30</sup> Tổng số văn bản QPPL được rà soát, lập danh mục 05 văn bản; trong đó: Nghị quyết của HĐND xã 01 văn bản, Quyết định của UBND xã 04 văn bản; Tổ chức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật 05 buổi/ 950 lượt người tham gia; Tiếp nhận hoà giải 03 vụ, trong đó: Hoà giải thành 01 vụ về tranh chấp đất đai; hoà giải không thành 02 vụ về các mâu thuẫn khác;

<sup>31</sup> Trong 6 tháng đầu năm đăng ký khai sinh: 154 trường hợp. Trong đó: Đăng ký đúng hạn 107 trường hợp (Nam 52, Nữ 55); đăng ký quá hạn 25 trường hợp (Nam: 14, Nữ: 11); đăng ký lại 22 trường hợp. Đăng ký khai tử: 37 trường hợp, trong đó: đúng hạn 18 trường hợp, quá hạn 19 trường hợp; Đăng ký kết hôn: 84 cặp (trong đó: kết hôn lần đầu 82 cặp, lần hai trở đi 02 cặp, đăng ký lại 0 trường hợp; kết hôn có yếu tố nước ngoài 04 trường hợp); tuổi kết hôn trung bình Nam 24 tuổi, Nữ 20 tuổi; Đăng ký nhận cha, mẹ, con 13 trường hợp; hay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch 26 trường hợp; Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 20 trường hợp (để kết hôn 04 trường hợp, sử dụng vào mục đích khác 16 trường hợp); Cấp bản sao trích lục hộ tịch: 44 trường hợp với 269 bản sao.

<sup>32</sup> Thông báo số 2834/TB-UBND ngày 31/12/2025 của UBND về thông báo lịch tiếp công dân, địa điểm tiếp công dân của UBND xã Mường Kim năm 2026; Thông báo số 07/TB-VP ngày 02/01/2026 của Văn phòng HĐND và UBND về thông báo lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã tháng 01 năm 2026. Thông báo số 19/TB-VP ngày 02/02/2026 của Văn phòng HĐND và UBND về thông báo lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã tháng 02 năm 2026; Thông báo số 30/TB-VP ngày 02/03/2026 của Văn phòng HĐND và UBND về thông báo lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã tháng 03 năm 2026; Thông báo số 40/TB-VP ngày 31/03/2026 của Văn phòng HĐND và UBND về thông báo lịch tiếp công dân của Chủ tịch UBND xã tháng 04 năm 2026; Thông báo số 56/TB-VP ngày 29/04/2026 của Văn phòng HĐND và UBND về thông báo lịch tiếp

2685/KH-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã về tổ chức đối thoại với nhân dân, dự kiến tổ chức trong tháng 8/2026. Trong 6 tháng đầu năm tổng số lượt tiếp công dân 02 lượt/03 người, trong đó: Lãnh đạo tiếp định kỳ, đột xuất 0 lượt/0 người/0 vụ việc; Phòng chuyên môn tiếp thường xuyên: 02 lượt/03 người/02 vụ việc; tiếp nhận 02 đơn kiến nghị, phản ánh; không có vụ việc khiếu nại, tố cáo xảy ra, đơn thư kiến nghị phản ánh đều được xử lý kịp thời. Nội dung đề nghị xem xét, giải quyết, hỗ trợ về đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng do thực hiện các chương trình dự án trên địa bàn.

- Công tác phòng, chống tham nhũng được chỉ đạo thường xuyên, 6 tháng đầu năm 2026, không có trường hợp vi phạm quy định về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Thực hiện công tác kê khai tài sản đối với các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập theo Luật Phòng, chống tham nhũng.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Thực hiện Kế hoạch số 906/KH-UBND ngày 23/02/2026 của UBND xã Mường Kim về thực hiện kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2026; trong 6 tháng đầu năm, UBND xã đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất, kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, thu ngân sách và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn. Trong 6 tháng đầu năm 2026, GRDP trên địa bàn xã ước tăng 12,20% so với cùng kỳ, đạt và vượt mục tiêu kịch bản tăng trưởng đề ra; trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 7,58%; công nghiệp - xây dựng tăng 14,26%; dịch vụ tăng 18,97%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,98%. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

### **1. Nông, lâm nghiệp, thủy sản**

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 78.337,65 triệu đồng/196.634,53 triệu đồng, đạt 39,84% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 18.560,90 triệu đồng, quý II đạt 59.776,76 triệu đồng.

Lĩnh vực trồng trọt: Giá trị sản xuất 6 tháng đạt 48.566,47 triệu đồng/122.379,38 triệu đồng, đạt 39,69% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 4.081,60 triệu đồng, quý II đạt 44.484,87 triệu đồng. Giá trị sản xuất trồng trọt chủ yếu từ các nhóm sản phẩm cây hàng năm, cây ăn quả, chè, cao su, rau, đậu các loại. Một số cây trồng chủ lực bước vào thời kỳ thu hoạch trong quý II nên giá trị sản xuất quý II tăng cao so với quý I.

Lĩnh vực chăn nuôi: Giá trị sản xuất 6 tháng đạt 21.394,77 triệu đồng/53.604,35 triệu đồng, đạt 39,91% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 10.392,74 triệu đồng, quý II đạt 11.002,03 triệu đồng. Hoạt động chăn nuôi trên địa bàn cơ bản ổn định; công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi tiếp tục được quan tâm, góp phần duy trì sản lượng và giá trị sản xuất.

Lĩnh vực thủy sản: Giá trị sản xuất 6 tháng đạt 4.957,26 triệu đồng/11.609,79 triệu đồng, đạt 42,70% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 2.359,54 triệu đồng, quý II đạt 2.597,72 triệu đồng. Hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản tiếp tục được duy trì, nhất là các diện tích ao nuôi, lồng bè hiện có.

Lĩnh vực lâm nghiệp: Giá trị sản xuất 6 tháng đạt 3.419,16 triệu đồng/9.041,01 triệu đồng, đạt 37,82% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 1.727,02 triệu đồng, quý II đạt 1.692,14 triệu đồng. Nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực lâm nghiệp là quản lý, bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng, phòng cháy, chữa cháy rừng và khai thác lâm sản theo quy định.

## **2. Công nghiệp, xây dựng**

Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2026 đạt 35,00 tỷ đồng/68,00 tỷ đồng, đạt 51,47% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 9,10 tỷ đồng, quý II đạt 25,90 tỷ đồng.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu là chè khô các loại, sản lượng 6 tháng đạt 700 tấn/1.360 tấn, bằng 51,47% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 182 tấn, quý II đạt 518 tấn. Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn chủ yếu là chế biến nông, lâm sản, trọng tâm là chế biến chè. Giá trị sản xuất công nghiệp quý II tăng so với quý I do sản lượng chè nguyên liệu đưa vào chế biến tăng theo thời vụ.

Lĩnh vực xây dựng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thông qua việc phối hợp triển khai các công trình, dự án trên địa bàn, nhất là các công trình trọng điểm, công trình khắc phục hậu quả thiên tai, giao thông, thủy lợi, trường học và hạ tầng thiết yếu.

## **3. Thương mại, dịch vụ**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 6 tháng đầu năm 2026 đạt 32,36 tỷ đồng/72,689 tỷ đồng, đạt 44,52% kế hoạch năm; trong đó quý I đạt 14,86 tỷ đồng, quý II đạt 17,50 tỷ đồng.

Nhìn chung, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã cơ bản ổn định; nguồn cung hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, giá cả không có biến động lớn. Các hộ kinh doanh, cơ sở dịch vụ tiếp tục duy trì hoạt động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, trao đổi hàng hóa của Nhân dân.

## **4. Du lịch**

Tổng lượng khách du lịch trong 6 tháng đầu năm đạt 23.618/50.110 lượt người, đạt 47,13% kế hoạch .

Doanh thu ngành du lịch toàn xã lũy kế đạt khoảng 17,02/32,51 tỷ đồng, bằng 52,34% kế hoạch.

### **5. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Dự toán thu nội địa năm 2026 là 10.500 triệu đồng. Kịch bản thu nội địa 6 tháng đầu năm thực hiện 5.844 triệu đồng/10.500 triệu đồng, bằng 56% dự toán năm.

Ủy ban nhân dân xã tiếp tục chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan thuế rà soát nguồn thu, quản lý chặt chẽ các khoản thu phát sinh, đôn đốc thu nộp ngân sách, phân đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách năm 2026.

### **6. Đầu tư công**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư năm 2026 là 892 triệu đồng, từ nguồn ngân sách địa phương, chủ yếu là nguồn thu tiền sử dụng đất. Đã phân bổ danh mục và phân bổ tại kỳ họp thứ 4 HĐND xã khóa XXII nhiệm kỳ 2026 - 2031.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026 SO VỚI NGHỊ QUYẾT HĐND VÀ KẾ HOẠCH GIAO**

Ủy ban nhân dân xã đã tập trung, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu có thể lượng hóa được trong 6 tháng đầu năm cơ bản đạt tiến độ kế hoạch đề ra, cụ thể:

(1) Thu nhập bình quân đầu người đạt 39,24 triệu đồng/người/năm đến thời điểm báo cáo chưa thực hiện đánh giá (dự kiến cuối năm đạt chỉ tiêu giao).

(2) Tổng sản lượng lương thực có hạt 3.454/11.910 tấn đạt 29% kế hoạch; quản lý và chăm sóc chè 1.164,67/1.164,67 ha, đạt 100% kế hoạch; tốc độ tăng đàn gia súc 4,48/16,23%/năm, đạt 27,60% kế hoạch. Thực hiện bộ tiêu chí Nông thôn mới đạt 4/6 chỉ tiêu, đạt 66,7% kế hoạch (dự kiến cuối năm đạt kế hoạch giao).

(3) Thu ngân sách trên địa bàn 5,844/10,5 tỷ đồng đạt 56% kế hoạch (dự kiến cuối năm đạt kế hoạch giao).

(4) Tổng lượt khách du lịch đạt 23.618/50.110 lượt, bằng 47,13% kế hoạch giao; doanh thu từ du lịch đạt 17,02/32,51 tỷ đồng, bằng 52,34% kế hoạch (dự kiến cuối năm đạt kế hoạch giao).

(5) Duy trì 100% đường xã được cứng hóa, bằng 100% kế hoạch; 99,82% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia, bằng 100% kế hoạch (đạt kế hoạch).

(6) Kết thúc năm học 2025 - 2026 đã huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra

lớp đạt 38% trở lên, trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100%. Huy động học sinh trong độ tuổi tiểu học ra lớp đạt 100%, học sinh trong độ tuổi THCS ra lớp đạt 97,5% trở lên, trung học phổ thông đạt 60% trở lên. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia (đạt kế hoạch).

(7) Giải quyết việc làm cho 1.097/280 lao động, đạt 391,75% kế hoạch; đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 32/9 người, đạt 355,56% chỉ tiêu theo kế hoạch giao; số người tham gia Bảo hiểm xã hội 781/605 người, đạt 129,1%, số người tham gia bảo hiểm tự nguyện 73/191 người, đạt 38,2% kế hoạch; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp 616/496 người, đạt 124,2% kế hoạch giao; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 84,6/84,8%, bằng 99,8% kế hoạch giao, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên (dự kiến cuối năm đạt kế hoạch giao).

8) Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống 21,83/21,93% đạt 100,46% kế hoạch giao; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống 14,64/14,73%, đạt 100,61% kế hoạch; tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử đạt 75/85,0%, đạt 88,24% kế hoạch; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (8 loại) đạt 43,84/96,50 đạt 45,43% kế hoạch giao; Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế đạt 99,88/89,6%, đạt 111,47% kế hoạch.

(9) Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 3,76% (thời điểm hiện tại chưa đánh giá, dự kiến cuối năm đạt kế hoạch).

(10) 97,7% bản có nhà văn hóa; 90,5% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, 90,7% bản đạt tiêu chuẩn văn hoá; 100% cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa (thời điểm hiện tại chưa đánh giá, dự kiến cuối năm đạt 100% kế hoạch giao).

(11) 90,9/91,5% dân số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 48% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn; 25% dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (dự kiến đạt chỉ tiêu giao).

(12) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 39,53/40,11%, đạt 98,55% kế hoạch (dự kiến cuối năm đạt kế hoạch).

(13) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 65%; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối) đạt 35%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90% (dự kiến cuối năm không đạt kế hoạch do liên quan đến nguồn lực).

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm

Trong 6 tháng đầu năm 2026, UBND xã Mường Kim đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ngay từ đầu năm. Các cơ quan, đơn vị, các bản đã chủ động xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của tỉnh và của Đảng ủy xã.

- Tình hình kinh tế trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định và có bước phát triển. Sản xuất nông nghiệp được triển khai đúng khung thời vụ; lúa Đông Xuân đạt và vượt kế hoạch về năng suất, sản lượng; các cây trồng chủ lực như chè, cây ăn quả, cao su tiếp tục được quan tâm chăm sóc. Chăn nuôi, thủy sản duy trì ổn định; công tác phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi được chỉ đạo kịp thời. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng được tăng cường; chi trả dịch vụ môi trường rừng được thực hiện đầy đủ, đúng kế hoạch.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch có chuyển biến tích cực; mạng lưới kinh doanh được duy trì, hàng hóa cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân. Các lễ hội truyền thống, chợ phiên, hoạt động quảng bá du lịch được tổ chức hiệu quả, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa và thu hút khách du lịch đến địa phương.

- Công tác quản lý ngân sách, đất đai, tài nguyên và môi trường được quan tâm chỉ đạo. Thu ngân sách đạt khá so với dự toán; công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai được thực hiện cơ bản đúng hạn, không để phát sinh hồ sơ quá hạn. Công tác vệ sinh môi trường, quản lý khoáng sản, tài nguyên nước được tăng cường kiểm tra, xử lý.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện. Chất lượng giáo dục được duy trì; công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm được triển khai hiệu quả. Các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, dân tộc, tôn giáo được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, góp phần ổn định đời sống Nhân dân.

- Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số có nhiều chuyển biến tích cực; tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt cao; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chữ ký số, các nền tảng số trong quản lý, điều hành được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

- Quốc phòng, an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Công tác tuyển quân, huấn luyện dân quân, trực sẵn sàng chiến đấu được thực hiện nghiêm túc. Lực lượng Công an xã chủ động nắm tình hình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; công tác tiếp công dân, giải quyết kiến

ngiht, phản ánh đượ thực hiện kịp thời, không phát sinh điểm nóng, vụ việc phức tạp kéo dài.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt đượ, việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế.

- Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt tiến độ chưa cao so với kế hoạch, nhất là giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản; tổng sản lượng lương thực có hạt; tốc độ tăng đàn gia súc; tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi; tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện và chỉ tiêu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Sản xuất nông nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ; việc liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa thật sự bền vững. Dịch bệnh trên đàn vật nuôi vẫn còn xảy ra, nhất là dịch tả lợn châu Phi tại một số bản, ảnh hưởng đến tốc độ tăng đàn và tâm lý tái đàn của người dân.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng tuy đượ tăng cường nhưng vẫn còn xảy ra cháy rừng, chặt phá rừng. Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận người dân trong quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường, quản lý đất đai, khoáng sản chưa cao.

- Tiến độ triển khai một số nhiệm vụ, chương trình, dự án còn chậm; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng giao thông, thủy lợi, xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi số và các công trình thiết yếu còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã.

- Việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội chưa đồng đều; kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, nhất là ở các bản vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số.

- Tình hình tội phạm, tệ nạn ma túy còn tiềm ẩn phức tạp; số vụ việc liên quan đến ma túy vẫn còn xảy ra, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và đời sống Nhân dân trên địa bàn.

- Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông, suối theo kế hoạch giao đạt 35%; tuy nhiên, dự kiến đến cuối năm chỉ tiêu này khó đạt theo kế hoạch đề ra.

## **3. Nguyên nhân**

### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

- Thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, mưa lớn, nắng nóng, nguy cơ

cháy rừng và dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi còn tiềm ẩn phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đời sống của Nhân dân và tiến độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Giá vật tư nông nghiệp, nhiên liệu, vật liệu xây dựng và chi phí sản xuất còn biến động; thị trường tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp chưa ổn định, làm giảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh của người dân, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất trên địa bàn.

- Địa bàn xã rộng, dân cư phân tán, điều kiện đi lại ở một số bản còn khó khăn; hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng số, hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đồng bộ, trong khi nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn lực của địa phương còn hạn chế.

- Một số quy trình, hệ thống phần mềm, cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính có thời điểm chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

- Tình hình an ninh trật tự, nhất là tội phạm và tệ nạn ma túy còn tiềm ẩn phức tạp; phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng ngày càng tinh vi, trong khi nhận thức pháp luật và ý thức tự phòng ngừa của một bộ phận người dân còn hạn chế.

- Số lượng lao động đi làm ăn xa đông, làm giảm nguồn lao động tại chỗ, nhất là lao động trẻ, lao động trong độ tuổi sản xuất; ảnh hưởng đến việc tổ chức sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã và huy động nhân lực thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương.

### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ ở một số lĩnh vực, một số thời điểm chưa thật sự quyết liệt; việc phối hợp giữa một số cơ quan, đơn vị, bản trong triển khai nhiệm vụ có lúc chưa chặt chẽ, chưa kịp thời.

Công tác dự báo, nắm bắt tình hình sản xuất, đời sống Nhân dân, tình hình dịch bệnh, thiên tai, an ninh trật tự ở một số địa bàn có thời điểm chưa sát; việc phát hiện, xử lý một số vụ việc phát sinh từ cơ sở còn chưa kịp thời.

Một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước; chưa mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao thu nhập.

Năng lực quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất của một số hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh còn hạn chế; việc xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật về đất đai, tài nguyên, môi trường, bảo vệ rừng, phòng chống ma túy, chuyển đổi số có

nơi, có lúc hiệu quả chưa cao; hình thức tuyên truyền chưa thật sự đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Công tác nắm bắt tình hình, tổng hợp và báo cáo của một số lãnh đạo bản có lúc chưa kịp thời; một số vụ việc, nội dung phát sinh tại cơ sở chưa được báo cáo ngay, ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo, xử lý của UBND xã.

Địa phương chưa được bố trí nguồn vốn để đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; trong khi nguồn lực của xã chưa đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện.

#### **4. Giải pháp khắc phục**

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, các bản trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Thường xuyên rà soát các chỉ tiêu đạt thấp để có giải pháp chỉ đạo cụ thể, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026.

- Tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp đúng khung thời vụ; tăng cường hướng dẫn Nhân dân chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng; chủ động phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nhất là dịch tả lợn châu Phi; khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát tốt việc tái đàn, vận chuyển, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm động vật.

- Đẩy mạnh phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế; nâng cao chất lượng sản phẩm chè, cây ăn quả, thủy sản, sản phẩm OCOP; tăng cường liên kết giữa người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Quan tâm hướng dẫn các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; xử lý nghiêm các hành vi chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán, gắn trách nhiệm của cộng đồng dân cư với công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án, nhất là các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng thiết yếu, xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu quốc gia. Chủ động rà soát nguồn thu, quản lý chặt chẽ ngân sách, đẩy nhanh tiến độ phân bổ, giải ngân vốn theo quy định, bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước; tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các vi phạm. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, cập nhật, đối khớp dữ liệu đất đai, phục vụ

giải quyết thủ tục hành chính và quản lý nhà nước trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công. Tăng cường hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, các nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, tổ công nghệ số cộng đồng và người dân.

- Tiếp tục quan tâm phát triển văn hóa - xã hội; duy trì chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo, giảm nghèo; tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ nghèo, cận nghèo chủ động phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Chủ động nắm chắc tình hình cơ sở, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh ngay từ bản, không để hình thành điểm nóng. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm ma túy; quản lý chặt chẽ các đối tượng nghiện, nghi nghiện, sau cai nghiện; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, các bản; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân làm tốt, đồng thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với những đơn vị, cá nhân thiếu chủ động, chậm triển khai nhiệm vụ được giao.

## **Phần thứ hai**

### **NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

Dự báo 6 tháng cuối năm 2026, tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; thiên tai, mưa lũ, dịch bệnh, biến động giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng có thể ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân. Trong khi đó, việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp tiếp tục đặt ra yêu cầu cao đối với công tác quản lý, điều hành ở các cấp. Để hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, các cấp, các ngành, các địa phương tập trung thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm sau:

#### **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026**

##### **1. Mục tiêu chung**

Nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, các nguồn lực, động lực; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, gia tăng sự đóng góp của ngành thương mại, dịch vụ; phát triển đa dạng các loại hình, phương thức kinh doanh; phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, xây dựng nền nông nghiệp sản xuất tích hợp đa giá trị,

hàng hóa tập trung. Chủ động ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

## **2. Các mục tiêu chủ yếu 6 tháng cuối năm 2026**

(1) Thu nhập bình quân đầu người 39,24 triệu đồng/người/năm.

(2) Tổng sản lượng lương thực có hạt 6 tháng cuối năm thực hiện 8.456 tấn; ước thực hiện cả năm đạt 11.910/11.910 tấn, đạt 100% kế hoạch; quản lý và chăm sóc 1.164,67 ha chè; tốc độ tăng đàn gia súc 6 tháng cuối năm đạt thêm 11,75%; ước thực hiện cả năm đạt 16,23/16,23% đạt 100% kế hoạch. Thực hiện bộ tiêu chí Nông thôn mới 6 tháng cuối năm đạt thêm 2/10 tiêu chí; ước cả năm đạt 6/10 tiêu chí đạt 100% kế hoạch.

(3) Thu ngân sách 6 tháng cuối năm 4,656 tỷ đồng; ước thực hiện cả năm đạt 10,5/10,5 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

(4) Tổng lượt khách du lịch 6 tháng cuối năm 26.492 lượt khách; ước thực hiện cả năm đạt 50.110/50.110 lượt khách, đạt 100% kế hoạch giao. Doanh thu từ du lịch 6 tháng cuối năm 15,493 tỷ đồng; ước thực hiện cả năm đạt 32,513/32,513 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch giao.

(5) Duy trì 100% đường xã được cứng hóa; 99,82% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 100% kế hoạch.

(6) Học kỳ 1 năm học 2026 - 2027 huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp đạt 38% trở lên, trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 100%; huy động học sinh trong độ tuổi tiểu học ra lớp đạt 100%, học sinh trong độ tuổi THCS ra lớp đạt 97,5% trở lên, trung học phổ thông đạt 60% trở lên. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia.

(7) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 6 tháng cuối năm 45 người; ước thực hiện cả năm 118/118 người, đạt 100% kế hoạch. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 6 tháng cuối năm 280 người, ước tỷ lệ lao động qua đào tạo cả năm 11.514/13.279 người, đạt 86,71%, vượt 2,11% kế hoạch.

(8) Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; duy trì giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống 21,83/21,93% đạt 100,46% kế hoạch; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng xuống 14,64/14,73%, đạt 100,61% kế hoạch. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử 6 tháng cuối năm cần thực hiện thêm 10%; ước thực hiện cả năm đạt 85/85%, đạt 100% kế hoạch. Tỷ

lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 tháng cuối năm cần thực hiện thêm 52,66%; ước thực hiện cả năm đạt 96,5/96,5%, đạt 100% kế hoạch. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 6 tháng cuối năm cần phấn đấu thêm 0,12%; ước thực hiện cả năm đạt 100% kế hoạch giao.

(9) Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều 3,76%.

(10) 97,7% bản có nhà văn hóa; 90,5% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, 90,7% bản đạt tiêu chuẩn văn hoá; 100% cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa.

(11) Nước sinh hoạt hợp vệ sinh 6 tháng cuối năm cần thực hiện thêm 0,6%; ước thực hiện cả năm đạt 91,5/91,5%, đạt 100% kế hoạch. 48% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn; 25% dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

(12) Tỷ lệ che phủ rừng 6 tháng cuối năm cần phấn đấu tăng thêm 0,58%; ước thực hiện cả năm tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,11/40,11%, đạt 100% kế hoạch.

(13) Duy trì tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom, xử lý đạt 65%; tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông, suối theo kế hoạch giao đạt 35%; tuy nhiên, chỉ tiêu này dự kiến khó đạt do chưa được bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Duy trì tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90%.

## II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026 và bám sát định hướng phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, Nghị quyết của HĐND xã và chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, UBND xã xác định một số giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện như sau:

### 1. Phát triển kinh tế

#### *a) Phát triển Nông - Lâm - Ngư nghiệp và xây dựng nông thôn mới*

- Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Mùa, vụ Hè Thu bảo đảm khung thời vụ; tăng cường hướng dẫn Nhân dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng.

- Đẩy nhanh tiến độ đốn, chăm sóc chè; kiểm tra, hướng dẫn kỹ thuật đối với các diện tích chè chăm sóc chưa đạt yêu cầu.

- Chủ động triển khai đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; kiểm soát chặt chẽ dịch tả lợn châu Phi, không để dịch bệnh lây lan diện rộng.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, vận động Nhân dân tái đàn gia súc, dự

trữ thức ăn chăn nuôi, nâng cao tốc độ tăng trưởng đàn vật nuôi.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng; thực hiện hiệu quả phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa bão.

- Tiếp tục duy trì phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm về hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng.

#### ***b) Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, tài chính - ngân sách***

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách; thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, chống thất thu ngân sách, thực hiện chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả; chủ động khai thác nguồn thu, hạn chế nợ đọng, bảo đảm cân đối ngân sách địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Rà soát, đôn đốc tiến độ các công trình, dự án chuyển tiếp, bảo đảm chất lượng và tiến độ giải ngân.

#### ***c. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường***

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, khoáng sản và tài nguyên nước, khai thác sử dụng hiệu quả tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; phối hợp rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, thống nhất trong năm 2026.

- Đẩy mạnh tuyên truyền bảo vệ môi trường; vận động Nhân dân không đổ rơm rạ xuống lòng đường, kênh mương gây ách tắc dòng chảy.

- Kiểm tra, xử lý tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, buôn bán trái phép ven Quốc lộ 32.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên và môi trường, xử lý vi phạm hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã. Trong 6 tháng đầu năm, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ liên quan đến cấp GCN QSDĐ không có hồ sơ quá hạn.

#### ***d) Lĩnh vực xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững***

- Tiếp tục triển khai, rà soát, có giải pháp hoàn thành các tiêu chí dự kiến đạt năm 2026 và duy trì, giữ vững các tiêu chí đã đạt.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, theo dõi giúp đỡ, hỗ trợ các dự kiến thoát hộ nghèo, cận nghèo, thực hiện rà soát, công nhận thoát nghèo vào dịp cuối năm.

## **2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội**

### ***a) Giáo dục và Đào tạo, Khoa học - Công nghệ***

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; thực hiện chuyển đổi số; đầu tư bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị trường, lớp học gắn với công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Tiếp tục chỉ đạo duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục trường học và trường chuẩn quốc gia; giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, công tác xóa mù chữ mức độ 2, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi. Đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề; gắn kết đào tạo nghề với nhu cầu của các doanh nghiệp và thị trường lao động; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

- Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tập trung vào đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân.

- Chỉ đạo các đơn vị trường học trên địa bàn tiến hành tổng rà soát hệ thống cơ sở vật chất, sửa chữa, nâng cấp các hạng mục xuống cấp như: phòng học, nhà vệ sinh, hệ thống điện nước, bàn ghế, trang thiết bị dạy học. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách xã, vận động xã hội hóa giáo dục để đầu tư sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cần thiết phục vụ năm học mới. Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân đưa trẻ trong độ tuổi đến trường đúng độ tuổi, đặc biệt là trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo và học sinh lớp 1. Chỉ đạo các trường học chuẩn bị kỹ lưỡng các nội dung cho Lễ khai giảng đảm bảo trang trọng, ngắn gọn, an toàn, tiết kiệm, tạo khí thế thi đua đầu năm học. Thực hiện công tác khuyến học, vận động nhà tài trợ cùng tham dự, động viên, tặng quà học sinh nghèo vượt khó.

### ***b) Về Văn hóa, Thể thao, Thông tin và Truyền thông***

Phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội; chú trọng xây dựng đời sống văn hóa, cơ sở; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao. Tiếp tục tập trung tuyên truyền theo đúng định hướng về các chủ trương lớn của Đảng, nhà nước về sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

### ***c) Công tác y tế***

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho Nhân dân; chủ động phòng chống dịch bệnh; thực hiện hiệu quả công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Chú trọng đào tạo đội ngũ bác sĩ, đảm bảo năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm y tế. Phấn đấu hết năm 2026 có 85% dân số trên địa bàn xã được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử. Tổ chức khám sàng lọc miễn phí cho nhân

dân đợt 2 theo kế hoạch.

***d) Lao động việc làm; an sinh xã hội, giảm nghèo***

Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về trẻ em, kế hoạch hóa gia đình và phòng chống tệ nạn xã hội.

***e) Công tác dân tộc, tôn giáo***

Thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh về hỗ trợ đồng bào dân tộc phát triển sản xuất, giảm nghèo; quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc, phát huy vai trò người có uy tín trong việc phát triển kinh tế, giữ gìn ổn định an ninh chính trị.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo, định hướng cho Nhân dân hoạt động tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật về tín ngưỡng tôn giáo. Thường xuyên nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những thủ đoạn lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc, đoàn kết tôn giáo.

***g) Tổ chức bộ máy - Cải cách hành chính***

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025. Củng cố, sắp xếp tổ chức hoạt động bộ máy của hệ thống chính trị đảm bảo “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”. Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, cải cách TTHC, tiếp nhận và trả kết quả TTHC tại Trung tâm hành chính công; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần

**3. Lĩnh vực quốc phòng, an ninh tư pháp**

***a) Lĩnh vực quốc phòng, an ninh***

- Duy trì nghiêm các chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Tăng cường nắm tình hình địa bàn, đối tượng; rà soát các điểm nóng, tụ điểm phức tạp về ANTT, kiên quyết đấu tranh triệt xóa tệ nạn ma túy, cờ bạc, tín dụng đen... Tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; phối hợp với các đội nghiệp vụ cấp trên trong điều tra, xử lý tội phạm hình sự, ma túy, kinh tế.

- Duy trì các tổ tuần tra, kiểm soát tình hình an ninh nông thôn, phối hợp với lực lượng dân phòng, an ninh trật tự cơ sở, đoàn thể chính trị - xã hội trong

xử lý các tình huống vi phạm trật tự công cộng, phòng chống cháy nổ.

*b) Lĩnh vực tư pháp*

- Tập trung thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 (Đề án 06).

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật: Công tác tổ chức thi hành pháp luật; năng lực phản ứng chính sách; nội dung tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Thực hiện tốt công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở.

- Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Giải quyết kịp thời, dứt điểm đơn thư thuộc thẩm quyền phát sinh từ cơ sở, không để tồn đọng kéo dài, đơn thư vượt cấp; không để tình trạng khiếu nại, tố cáo đông người phức tạp.

*c) Lĩnh vực phòng chống tham nhũng, tiêu cực*

Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN, tiêu cực, nhất là Luật PCTN, các kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tỉnh ủy về công tác PCTN, tiêu cực; Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực và Chiến lược quốc gia về PCTN, tiêu cực, Triển khai công tác kê khai tài sản, thu nhập theo hướng dẫn.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm 2026; và giải pháp nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Mường Kim./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XXII;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Nội**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Báo cáo số 3393/BC-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	CHỈ TIÊU	DVT	TH 6 tháng đầu năm 2025	Kế hoạch năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm 2026	Ước TH 6 tháng đầu năm/TH 6 tháng năm trước	Ước TH 6 tháng đầu năm/KH năm báo cáo	Ước năm báo cáo/KH năm báo cáo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	-8,0	(9)	(10)	(11)
<b>I</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>									
1	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/năm	51,0	39,24	Chưa đánh giá	39,24			100	Theo QĐ 1205/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu
2	Thu ngân sách NN trên địa bàn	Tỷ đồng	0,0125	10,50	5,8443	10,5	46.913,7	55,7	100	
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	5.417,8	11.910	3.454,0	11.910,0	63,8	29,0	100	
4	Về nông - lâm - ngư nghiệp									
	- Cao Su	ha	217,59	217,49	217,59	217,49	100,0	100,0	100	
	- Diện tích cây chè	ha	1.144,69	1.164,67	1.164,67	1.164,67	101,7	100,0	100	
	+ Trong đó: Trồng mới	Ha								
	- Diện tích rừng trồng mới	Ha	400,00	160,00	55,00	160,00	13,8	34,4	100	
	- Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,15	40,11	39,52	40,11	103,6	98,5	100	
	- Bình quân tiêu chí trên xã	Tiêu chí/xã	12,0	6,0	4,0	6,0	33,3	66,7	100	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 (12/19 tiêu chí)
5	Tổng dân gia súc chính	Con	21.709,0	21.860	19.670	21.860,00	90,6	90,0	100	
	- Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	1,65	16,23	4,48	16,23	271,5	27,6	100	
	- Sản lượng thịt hơi các loại	tấn	520	1.308	688,60	1.308,0	132,4	52,6	100	
6	Tổng lượt khách du lịch	lượt người	25.430	50.110	23.618	50.110	92,9	47,1	100	
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>									
7	Hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước									
	- Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận tiện (duy trì)	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,0	99,82	99,82	99,82	100,8	100,0	100	
	- Tỷ lệ trường học xây dựng kiên cố	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
	- Tỷ lệ trạm y tế được xây dựng kiên cố	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
	"- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91,0	91,5	90,9	91,5	99,9	99,3	100	
8	Giáo dục									
	- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học	xã	1	1	1	1	100,0	100,0	100	
	- Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	11	11	11	11	100,0	100,0	100	
	+ Trong đó: Công nhận mới trong năm	Trường								
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia:	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	Trong đó:									
	+ Cấp Mầm non	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	+ Cấp Tiểu học	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	+ Cấp Trung học cơ sở	%	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100	
	- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: Trong đó:									
	+ Cấp Mầm non	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
	+ Cấp Tiểu học	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
	+ Cấp Trung học cơ sở	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
9	Y tế									
	- Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử	%	81,4	85,0	75,0	85,0	92,1	88,2	100	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰	12,1	11,40	3,93	11,40	32,5	34,5	100	
	- Tỷ lệ giảm sinh	‰	1,9	0,10	0,10	0,10	5,3	100,0	100	
	- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể cân nặng)	%	15,40	14,73	14,64	14,64	105,2	100,6	101	
	- Tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	22,40	21,93	21,83	21,83	102,6	100,5	100	
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin (8 loại)	%	91,00	96,50	43,84	96,50	48,2	45,4	100	
	- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	75,20	89,60	99,88	100	132,8	111,5	112	
10	Giảm nghèo									
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%								
	- Số lao động được giải quyết việc làm	Người	137	280	1.097	1150	800,7	391,8	411	
	- Số lao động được đào tạo trong năm	Người	137	280	0	280	0,0	0,0	100	
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	82	84,8	84,6	84,8	103,2	99,8	100	
11	Văn hóa									
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt GDVH	%		90,7		90,7		0,0	100	
	- Số thôn, bản, KP đạt TCVH	Bản, KP		39		39		0,0	100	
	- Tỷ lệ thôn, bản, KP đạt TCVH	%		90,7		90,7		0,0	100	
	- Số CQ, ĐV, Tr. học đạt TCVH	CQ, ĐV		19		19		0,0	100	
	Tỷ lệ CQ, ĐV, Tr. học đạt TCVH	%		100		100		0,0	100	
	Tỷ lệ thôn bản, khu phố có nhà văn hoá	%	97,7	97,7	97,7	97,7	100,0	100,0	100	
	Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh	%	100	100	100	100	100,0	100,0	100	
12	Môi trường									
	- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý	%	55,0	65,0	65,0	65,0	118,2	100,0	100	

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP,**  
(Kèm theo Báo cáo số 3393/BC-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			so sánh(%)			Ghi chú
				Kế hoạch HĐND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện năm 2026	Thực hiện 6 tháng/ thực hiện 6 tháng năm 2025	Thực hiện tháng 6/kế hoạch năm 2026	ước thực năm 2026 /KH năm 2026	
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>									
1	<b>Thu nhập BQĐN</b>	Tr đ	47	39,24	chưa đánh giá	39,24			<b>100</b>	Theo QĐ 1205/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh Lai Châu
2	<b>Thu ngân sách NN</b>	Tỷ đ								
	- Thu NS trên địa bàn	Tỷ đ	0,0125	10,500	5,8443	10,500	<b>46.913,70</b>	<b>55,66</b>	<b>100</b>	
3	<b>Chi NS địa phương</b>	Tỷ đ								
	- Chi thường xuyên	Tỷ đ	23,00	236,469	99,529	236,5	<b>432,74</b>	<b>42,09</b>	<b>100</b>	
4	<b>Tổng vốn đầu tư công</b>	Tỷ đ								
<b>I</b>	<b>Cây lương thực</b>	<b>Ha</b>	<b>1.082,0</b>	<b>2.386,20</b>	<b>1.853,20</b>	<b>2.386,20</b>	<b>171,28</b>	<b>77,66</b>	<b>100</b>	
	Diện tích	Ha	560,0	2.386,2	1.853,20	2.386,20	<b>330,93</b>	<b>77,66</b>	<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	5.417,8	11.910,0	3.454,02	11.910,05	<b>63,75</b>	<b>29,00</b>	<b>100</b>	
	Trong đó: - Thóc	Tấn	3.103,8	8.260,0	3.454,02	8.260,02	<b>111,28</b>	<b>41,82</b>	<b>100</b>	
	- Ngô	Tấn	2.314,0	3.650,0		3.650,02			<b>100</b>	
<b>1</b>	<b>Lúa cả năm: - Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>560,0</b>	<b>1.521,2</b>	<b>1.331,20</b>	<b>1.521,20</b>	<b>237,71</b>	<b>87,51</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	55,4	54,3	<b>25,95</b>	54,30	<b>46,84</b>	<b>47,78</b>	<b>100</b>	
	- Sản lượng	Tấn	3.103,8	8.260,0	<b>3.454,02</b>	8.260,02	<b>111,28</b>	<b>41,82</b>	<b>100</b>	
1.1	- Lúa đông xuân: Diện tích	Ha	560,0	558,0	558,00	558,00	<b>99,64</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	55,4	59,9	61,90	59,86	<b>111,73</b>	<b>103,41</b>	<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	3.103,8	3.340,0	3.454,0	3.340,03	<b>111,28</b>	<b>103,41</b>	<b>100</b>	
1.2	- Lúa mùa: Diện tích	Ha		963,2	773,20	963,20		<b>80,27</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha		51,1		51,08			<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn		4.920,00		4.920,00			<b>100</b>	Dự kết kết thúc trả sớm, trả chính vụ
1.2.1	- Tổng diện tích lúa hàng hóa tập trung	Ha	210,0	420,0	180,00	420,00	<b>85,71</b>	<b>42,86</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	55,4	54,5	62,00	54,53	<b>111,91</b>	<b>113,71</b>	<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	1.163,4	2.290,1	1.116,00	2.290,10	<b>95,93</b>	<b>48,73</b>	<b>100</b>	
<b>2</b>	<b>Ngô cả năm: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>522,0</b>	<b>865,0</b>	<b>522,0</b>	<b>865,00</b>	<b>100</b>	<b>60,35</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	44,3	42,2	<b>0,0</b>	42,20			<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	2.314,0	3.650,0	<b>0,0</b>	3.650,02			<b>100</b>	
2.1	- Ngô xuân hè: Diện tích	Ha	522,0	522,00	522,0	522,00	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha	44,3	44,3		44,33			<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn	2.314,0	2.314,0		2.314,01			<b>100</b>	
2.2	- Ngô thu đông: Diện tích	Ha		343,00		343,00			<b>100</b>	
	Năng suất	Tạ/ha		39,0		38,95			<b>100</b>	
	Sản lượng	Tấn		1.336,0		1.336,02			<b>100</b>	
<b>3</b>	<b>Lạc</b>	<b>Ha</b>	<b>83,0</b>	<b>83,0</b>	<b>55,00</b>	<b>83,00</b>	<b>66,27</b>	<b>66,27</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	17,2	17,2	17,3	17,3	<b>100,58</b>	<b>100,41</b>	<b>101</b>	
	- Sản lượng	Tấn	142,4	143,0	95,2	143,00	<b>66,82</b>	<b>66,54</b>	<b>100</b>	
<b>4</b>	<b>Đậu tương</b>	<b>Ha</b>	<b>48,1</b>	<b>55,0</b>	<b>35,00</b>	<b>55,00</b>	<b>72,77</b>	<b>63,64</b>	<b>100</b>	
	- Năng suất	Tạ/ha	13,7	14,2	14,2	14,2	<b>103,52</b>	<b>100,00</b>	<b>100</b>	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			so sánh(%)			Ghi chú
				Kế hoạch HDND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện năm 2026	Thực hiện 6 tháng/ thực hiện 6 tháng năm 2025	Thực hiện tháng 6/kế hoạch năm 2026	ước thực năm 2026 /KH năm 2026	
-	Sản lượng	Tấn	65,8	78,0	49,64	78,00	75,44	63,64	100	
<b>5</b>	<b>Cây ăn quả: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>154,1</b>	<b>154,12</b>	<b>154,12</b>	<b>154,12</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100</b>	
-	Sản lượng	Tấn	630,0	1.300,0	630,0	1.300,04	100,00	48,46	100	
-	Diện tích trồng mới	Ha								
<b>6</b>	<b>Rau đậu các loại</b>	<b>Ha</b>		198,00	110	198		55,56	100	
-	Sản lượng rau	Tấn		2.845,00	1.595	2.845		56,06	100	
<b>II</b>	<b>Cây công nghiệp lâu năm</b>					0,00				
<b>1</b>	<b>Cây chè: Diện tích</b>	<b>Ha</b>	<b>1.144,690</b>	<b>1.164,67</b>	<b>1.164,67</b>	<b>1.164,67</b>	<b>101,75</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
	Trong đó: Trồng mới	Ha								
-	Chè KTCB	Ha	181,07	98,97	98,97	98,97	54,66	100	100	
-	Diện tích chè kinh doanh	Ha	963,62	1.065,70	1.065,70	1.065,70	110,59	100	100	
	+ Năng suất	Tạ/ha	31,50	63,81	26,3	63,81	83,41	41,18	100	
	+ Sản lượng chè búp tươi	Tấn	3.053,4	6.800	2.800	6.800	91,70	41,18	100	
-	Diện tích chè tập trung được cấp mã số vùng trồng	Ha		164,7	21,88	164,67		13,29	100	
-	Diện tích chè tập trung được sản xuất, quản lý theo tiêu chuẩn an toàn, hữu cơ	Ha		50,00	10,50	50,00		21,00	100	
<b>2</b>	<b>Cây cao su</b>									
-	Diện tích	Ha	217,59	217,59	217,59	217,59	100	100	100	
-	Diện tích cho thu hoạch	Ha	71,64	71,63	71,63	71,63	99,99	100	100	
-	Sản lượng mủ	Tấn	23,00	83,00	39,20	83	170,43	47,23	100	
	+ Sản lượng mủ (mủ khô)	Tấn								
<b>III</b>	<b>Chăn nuôi</b>									
<b>1</b>	<b>Tổng đàn gia súc</b>	<b>Con</b>	<b>21.709,0</b>	<b>21.860</b>	<b>19.670</b>	<b>21.860</b>	<b>90,61</b>	<b>89,98</b>	<b>100</b>	
-	Đàn trâu	Con	4.961,0	4.970	5.185	4.970	104,52	104,33	100	
-	Đàn bò	Con	2.435,0	2.490	2.795	2.490	114,78	112,25	100	
-	Đàn lợn	Con	14.313,0	14.400	11.690	14.400	81,67	81,18	100	
<b>2</b>	<b>Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc</b>	<b>%</b>	<b>1,65</b>	<b>16,23</b>	<b>4,48</b>	<b>16,23</b>	<b>271,52</b>	<b>27,60</b>	<b>100</b>	
<b>3</b>	<b>Tổng đàn gia cầm</b>	<b>1000 con</b>	<b>81.800</b>	<b>90,00</b>	<b>89,61</b>	<b>90</b>	<b>0,11</b>	<b>99,57</b>	<b>100</b>	
<b>4</b>	<b>Thịt hơi các loại</b>	<b>Tấn</b>	<b>520</b>	<b>1.308</b>	<b>688,60</b>	<b>1.308</b>	<b>132,42</b>	<b>52,65</b>	<b>100</b>	
	- Trong đó: Thịt lợn	Tấn	280	810	421,90	810	150,68	52,09	100	
<b>5</b>	<b>Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu</b>	<b>%</b>		47,83	43,50	47,83		90,95	100	Chưa đánh giá
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi quy mô nông hộ có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu</b>	<b>%</b>		59,20	38,85	59,20		65,63	100	Chưa đánh giá
<b>IV</b>	<b>THỦY SẢN</b>									
<b>1</b>	<b>Diện tích nuôi trồng</b>	<b>Ha</b>	<b>43,00</b>	<b>43,00</b>	<b>43,00</b>	<b>43</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	
<b>2</b>	<b>Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng</b>	<b>Tấn</b>	<b>148,9</b>	<b>319,00</b>	<b>174,73</b>	<b>319</b>	<b>117,34</b>	<b>54,77</b>	<b>100</b>	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			so sánh(%)			Ghi chú
				Kế hoạch HDND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện năm 2026	Thực hiện 6 tháng/ thực hiện 6 tháng năm 2025	Thực hiện tháng 6/kế hoạch năm 2026	ước thực năm 2026 /KH năm 2026	
-	Sản lượng nuôi trồng	Tấn	141,9	303,00	165,68	303	116,76	54,68	100	
-	Sản lượng đánh bắt	Tấn	7,0	16,00	9,05	16	129,29	56,56	100	
-	Số lồng	Lồng	498,0	498	498	498	100	100	100	
-	Thể tích nuôi	M3	53.784,0	53.784	53.784	53.784	100	100	100	
<b>V</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>									
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ che phủ rừng</b>	<b>%</b>	<b>38,2</b>	<b>40,11</b>	<b>39,52</b>	<b>40,11</b>	<b>103,59</b>	<b>98,53</b>	<b>100</b>	
<b>2</b>	<b>Tổng DT rừng hiện có (tính cả cao su)</b>	<b>Ha</b>	<b>14.162,0</b>	<b>15.763,00</b>	<b>15.600</b>	<b>15.763,00</b>	<b>110,15</b>	<b>98,97</b>	<b>100</b>	
	<i>Trong đó: diện tích rừng trồng mới</i>	<i>Ha</i>	<i>400,0</i>	<i>160,00</i>	<i>55,00</i>	<i>160,00</i>	<i>13,75</i>	<i>34,38</i>	<i>100</i>	
-	<b>Rừng sản xuất</b>	<b>Ha</b>	<b>2.220,4</b>	<b>160</b>	<b>55,0</b>	<b>160,00</b>	<b>2,48</b>	<b>34,38</b>	<b>100</b>	<i>Công ty CP Nông lâm Fobic dự kiến trồng 50 ha thông</i>
	<i>Trong đó: Cây Quế</i>	<i>Ha</i>		<i>20,00</i>		<i>20,00</i>		<i>0,00</i>	<i>100</i>	
	<i>Cây lâm nghiệp khác</i>	<i>Ha</i>		<i>140,00</i>	<i>55,00</i>	<i>140,00</i>		<i>39,29</i>	<i>100</i>	
-	<b>Rừng phòng hộ</b>	<b>Ha</b>	<b>120,00</b>							
2.1	Rừng tự nhiên	Ha	11.603,83	11.798,25	11.725,12	11.798,25	101,05	99,38	100	
	+ Rừng phòng hộ	Ha	3.598,00	3.521,32	3.521,32	3.521,32	97,87	100	100	
	+ Rừng sản xuất	Ha	8.005,83	8.204,45	8.131,32	8.204,45	101,57	99,11	100	
	+ Rừng ngoài QH	Ha		72,48	72,48	72,48		100	100	
2.2	Rừng trồng	Ha	2.340,42	3.747,16	3.657,16	3.747,16	156,26	97,60	100	
	+ Rừng sản xuất	Ha	2.220,4	3.157,72	3.067,72	3.157,72	138,16	97,15	100	
	+ Rừng phòng hộ	Ha	120,0	121,81	121,81	121,81	101,51	100	100	
	+ Rừng ngoài QH	Ha		467,63	467,63	467,63		100	100	
2.3	Cây cao su	Ha	217,59	217,59	217,59	217,59	100	100	100	
2.4	Diện tích cây Mắc ca	Ha	1.120,32	1.120,32	1.120,32	1.120,32	100	100	100	
2.5	Diện tích cây quế	Ha	682,68	958,68	938,68	958,68	137,50	97,91	100	
<b>VI</b>	<b>NÔNG THÔN MỚI, OCOP VÀ GIẢI NGHÈO</b>									
1	Bình quân tiêu chí/xã	Tiêu chí/xã	12,0	6,0	4,0	6	33,33	66,67	100	
2	Số sản phẩm OCOP được công nhận	SP	6,0	8,0	4,0	8	66,67	50	100	
3	Tỷ lệ nghèo hộ nghèo	%		8,22		8,22			100	
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	%		3,76		3,76			100	
<b>VII</b>	<b>PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>					0,00				
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%		91,50	90,9	91,50		99,34	100	
2	Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%		89,00	90,9	89,00		102	100	
3	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%		48		48,00		0	100	
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG</b>									

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			so sánh(%)			Ghi chú
				Kế hoạch HĐND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện năm 2026	Thực hiện 6 tháng/ thực hiện 6 tháng năm 2025	Thực hiện tháng 6/kế hoạch năm 2026	ước thực năm 2026 /KH năm 2026	
1	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (suối)	%		35		20,00		0	57	
2	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%		90		90,00		0	100	
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được phân loại, thu gom xử lý	%	55,5	65	65	65	117,12	100	100	
<b>B</b>	<b>SX CÔNG NGHIỆP</b>									
<b>I</b>	<b>Giá trị sản xuất CN (Giá so sánh năm 2010)</b>		299,0	35,0	35	94	11,71	100	267	
1	<b>Phân theo thành phần kinh tế</b>	Tỷ đồng	298,95	30,0		30	0,00	0	100	
-	Quốc doanh Trung ương	Tỷ đồng	288,95							
-	Quốc doanh địa phương	Tỷ đồng								
-	CN ngoài quốc doanh	Tỷ đồng	10,00	30,0		30			100	
-	CN có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng								
2	<b>Phân theo ngành công nghiệp</b>	Tỷ đồng	10,0	30	35	64	350	116,67	212	
-	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng	10	30	35	30	350	116,67	100	
<b>II</b>	<b>Một số sản phẩm chủ yếu</b>									
1	Chè khô các loại	Tấn	200,0	600,0	700	1.271	350,00	116,67	212	
<b>III</b>	<b>Hạ tầng điện lưới</b>									
1	- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới Quốc gia	%	99	99,82	99,82	100	100,83	100	100	
2	Trong đó: Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99	99,82	99,8	99,82	100,81	99,98	100	
<b>C</b>	<b>THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, DỊCH VỤ</b>									
<b>I</b>	<b>Tổng mức bán lẻ HH và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (giá hiện hành)</b>	Tỷ đồng	121,3	63,4	40,6	63,40	33,46	64,02	100	
-	Thương nghiệp									
-	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	105,0	63,4	40,6	63,40	38,66	64,02	100	
-	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	16,3							
-	Dịch vụ khác	Tỷ đồng								
<b>II</b>	<b>Du lịch - Nhà hàng - Dịch vụ du lịch</b>									
1	<b>Tổng lượt khách du lịch</b>	Lượt người	25.430	50.110	23.618	50.110	92,87	47,13	100	
-	Khách quốc tế	Lượt người	56	382	260	382	464,29	68,06	100	
-	Khách nội địa	Lượt người	25.374	49.728	23.358	49.728	92,05	46,97	100	
2	<b>Tổng doanh thu du lịch</b>	Tỷ đồng	16,33	32,513	17,02	32,513	104,20	52,34	100	
-	Doanh thu du lịch khách quốc tế	Tỷ đồng	0,09	0,643	0,506	0,643	537,93	78,64	100	
-	Doanh thu du lịch khách nội địa	Tỷ đồng	16,237	31,870	16,512	31,870	101,69	51,81	100	

Biểu số 3

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI - LAO ĐỘNG - GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

(Kèm theo Báo cáo số 3393 /BC-UBND ngày 19 /6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026/ 6 tháng năm 2025	Thực hiện 6 tháng /KH năm 2026	Ước Th năm 2026/KH năm 2026	
<b>I</b>	<b>Xoá đói giảm nghèo</b>									
1	Tổng số hộ	Hộ	3.821	3.957,0	3.846,0	3.957,0	100,65	97	100	
2	Số hộ nghèo	Hộ	469	391,0	469,0	391,0	100	120	100	
3	Tỷ lệ hộ nghèo	%		9,9	11,98	9,9		121	100	
	<i>Trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo người dân tộc thiểu số</i>	%								
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	3	2,1		2,1	0	0	100	
5	Số hộ thoát nghèo	Hộ	102	78,0		78,0	0	0	100	
6	Số hộ cận nghèo	Hộ	212	149	212,0	149	100	142	100	
7	Tỷ lệ hộ cận nghèo	%	5	3,76		3,76	0	0	100	
9	Số hộ tái nghèo và phát sinh mới	Hộ	224				0			
<b>II</b>	<b>Cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>		100	100		100	0	0	100	
	- Tổng số thôn bản toàn xã	bản	43	43		43	0	0	100	
	Trong đó:									
	+ Số thôn bản đặc biệt khó khăn (theo tiêu chuẩn của Chương trình 135)	bản	27	17		17	0	0	100	
	- Số bản có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa	bản	100	100		100	0	0	100	
	+ Tỷ lệ bản có đường ô tô đến trung tâm bản mặt đường được cứng hóa	%	100	100		100	0	0	100	
	- Tỷ lệ bản có đường xe máy đi lại thuận lợi	%	100	100		100	0	0	100	
	- Số thôn bản có nhà văn hóa, thư viện	xã								
	Tỷ lệ xã có bưu điện văn hoá xã	%								
	- Số bản có điện lưới quốc gia	bản	43	43		43	0	0	100	
	Số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	hộ	3.783				0			
	+ Tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	100	99,82		99,82	0	0	100	
	- Số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	Hộ	3.477				0			
	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	91	91,5		91,5	0	0	100	
<b>III</b>	<b>Bảo hiểm</b>									
1	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	591	605	781	781	132,15	129,1	129,1	
2	Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp	người	68	496	616	616	905,88	124,2	124,2	
3	Số người tham gia bảo hiểm tự nguyện	người	486	191	73	191	15,02	38,2	100,0	
4	Số người tham gia bảo hiểm y tế	người	15.334	18,456	20,313	18,456	0,13	110,1	100,0	
<b>IV</b>	<b>Tạo việc làm</b>	<b>người</b>								
1	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Người	12.500	13.279	12.701	13.279	101,61	96	100	
	Tỷ lệ so với dân số	%	61,55	64,48	62,7	64,48	101,87	97	100	
	- Số lao động chia theo khu vực									
	+ Lao động thành thị	Người								
	+ Lao động nông thôn	Người	12.500	13.279	12.701	13.279	101,61	96	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026/ 6 tháng năm 2025	Thực hiện 6 tháng /KH năm 2026	Ước Th năm 2026/KH năm 2026	
2	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế quốc dân	Người	12.500	13.146	13.232	13.432	105,86	101	102	
3	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	82	84,8	84,6	84,8	103,17	99,8	100,0	
4	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	137	280	1.097	1150	800,73	391,8	411	
	<i>Trong đó: Lao động nữ</i>	Người								
	<i>Trong đó: Tỷ lệ nữ thiếu việc làm khu vực nông thôn</i>	%								
5	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người		9	32	35		355,56	388,89	
6	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	137	280	0	280	0,00	0	100	
<b>V</b>	<b>Trật tự an toàn xã hội</b>									
	- Số lượt người được cai nghiện ma túy	Lượt Người	7	8	3	8	42,86	38	100	
<b>VI</b>	<b>TRẺ EM</b>									
1	Xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em (lũy kế)	Xã								
2	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc	%	95							

## Biểu số 4

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN DÂN SỐ - GIA ĐÌNH & TRẺ EM**

(Kèm theo Báo cáo số 3393 /BC-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện 6 tháng /KH năm 2026	Ước Th năm 2026/KH năm 2026		
<b>1</b>	<b>Dân số</b>									
	- Dân số trung bình	Người	20.310	20.594	20.526	20.594	101	99,67	100	
	Trong đó :	Người								
	+ Dân số thành thị	Người								
	+ Dân số nông thôn	Người	20.310	20.594	20.526	20.594	101	99,67	100	
	Dân số là dân tộc thiểu số	Người	19.878	20.115	20.112	20.115	101	99,99	100	
	- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	12,1	11,40	3,93	11,40	32	34,47	100	
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%	1,9	0,10	0,10	0,10	5	100	100	
	Tỷ lệ cặp vợ chồng áp dụng BPTT	%	70,7	71,1	70,2	71,1	99	98,73	100	
	- Tỷ lệ các bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên so với tổng số bà mẹ sinh con trong năm	%	18,9	13,3	22,4	13,3	119	168,42	100	

Biểu số 5

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH Y TẾ**

(Kèm theo Báo cáo số 3393/BC-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước TH Năm 2026	Thực hiện tháng 6 năm 2026/6 tháng	Thực hiện 6 tháng/KH năm 2026	Ước TH năm 2026/KH2026	
<b>I</b>	<b>Nhân lực y tế</b>									
1	Tổng số cán bộ toàn ngành	Người	28	28	35	35	125,0	125	125,0	
1.1	Bác sỹ	Người	3	4	4	4	133,3	100	100	
1.2	Dược sỹ	Người	3	3	3	3	100	100	100	
2	Tỷ lệ Trạm y tế xã có bác sỹ (bao gồm bác sỹ làm việc định kỳ)	%	100,00	100	100	100	100	100	100	
3	Tỷ lệ Trạm y tế xã có bác sỹ (biên chế tại trạm)	%	100,00	100	100	100	100	100	100	
4	Tỷ lệ trạm y tế xã có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi	%	100,00	100	100	100	100	100	100	
5	Tỷ lệ thôn, bản có nhân viên y tế thôn bản hoạt động	%	100,00	100	100	100	100	100	100	
<b>II</b>	<b>Một số chỉ tiêu tổng hợp</b>									
1	Số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt		Đạt	
2	Tỷ suất tử vong trẻ em <1 tuổi	‰	43,8	22,8	17,09	22,80	39,0	74,96	100	
3	Tỷ suất tử vong trẻ em <5 tuổi	‰	43,8	32,57	25,64	32,57	58,5	78,72	100	
4	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể cân nặng)	%	15,4	14,73	14,64	14,64	105,2	100,61	100,61	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi)	%	22,4	21,93	21,83	21,83	102,6	100,46	100,46	
5	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	1/1000,000								
6	Tỷ lệ TE < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại Vacxin	%	91,00	96,50	43,84	96,5	48,2	45,43	100	
7	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai	%	86,86	87,30	94,06	87,30	108,3	107,74	100	
8	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ	%	86,13	89,90	93,22	89,90	108,2	103,69	100	
9	Tỷ suất mắc các bệnh xã hội									
	- Uốn ván	1/100.000								
	- Sốt rét	‰								
	- Lao	1/100.000	24,57	24,3		24,3	0,0	0	100	
	- HIV/ AIDS	%	0,18	0,18		0,18	0,0	0	100	
10	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	75,2	89,6	99,88	100	129,0	111,47	111,6	
11	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khoẻ điện tử	%	81,4	85,0	75,0	85	92,1	88,24	100	

## Biểu số 6

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Kèm theo Báo cáo số 3393 /BC-UBND ngày 19 /6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện tháng 6 năm	Thực hiện 6 tháng/KH năm 2026	Ước TH năm 2026/ KH 2026	
<b>I</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>Cháu</b>	5.386	5.343	5.309	5.343	99	99	100	
1	Hệ mầm non	Cháu	1.264	1.215	1.276	1.215	101	105	100	
2	Hệ phổ thông	H/ sinh	4.122	4.128	4.033	4.128	98	98	100	
	Chia theo bậc học									
	- Tiểu học	H/ sinh	1.861	1.802	1.862	1.802	100	103	100	
	- Trung học cơ sở	H/ sinh	1.756	1.776	1.694	1.776	96	95	100	
	- Trung học phổ thông	H/ sinh	505	550	477	550	94	87	100	
<b>II</b>	<b>Tổng số học sinh là dân tộc thiểu số</b>	<b>H/ sinh</b>	5.169	5.206	5.151	5.206	100	99	100	
	Chia ra:									
	+ Mầm non	H/ sinh	1.130	1.192	1.192	1.192	105	100	100	
	+ Tiểu học	H/ sinh	1.811	1.752	1.816	1.752	100	104	100	
	+ Trung học cơ sở	H/ sinh	1.728	1.717	1.667	1.717	96	97	100	
	+ Trung học phổ thông	H/ sinh	500	545	476	545	95	87	100	
<b>III</b>	<b>Phổ cập giáo dục</b>									
	Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã	1	1	1	1	100	100	100	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập GDTM mức độ 3	%	100	100	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn phổ cập GDTMCS mức độ 2	%	100	100	100	100	100	100	100	
<b>IV</b>	<b>Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường</b>									
1	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	
2	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	100	100	100	100	100	100	100	
3	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở đến trường	%	98,0	97,5	97,5	97,5	99	100	100	
4	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi trung học phổ thông đến trường	%	>50	>60	>60	>60	120	100	100	
<b>V</b>	<b>Tổng số giáo viên</b>	<b>Người</b>	374	373	373	373	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	96,95	98,65	97,00	98,65	100	98	100	
1	- Cấp mầm non	Người	113	113	113	113	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	98,05	99,11	98,23	99,11	100	99	100	
2	- Cấp Tiểu học	Người	154	154	154	154	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	92	96,77	92,2	96,77	100	95	100	
3	- Cấp Trung học cơ sở	Người	83	82	82	82	99	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	97,75	98,79	97,56	98,79	100	99	100	
4	- Cấp Trung học phổ thông	Người	24	24	24	24	100	100	100	
	Trong đó: Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	100	100	100	100	100	100	100	
<b>VI</b>	<b>Tổng số trường học</b>	<b>Trường</b>	12	11	11	11	92	100	100	
1	- Trường mầm non	Trường	4	3	3	3	75	100	100	
2	- Trường Tiểu học	Trường	3	3	3	3	100	100	100	
3	- Trường Tiểu học & Trung học cơ sở	Trường	1	1	1	1	100	100	100	
4	- Trường trung học cơ sở	Trường	3	3	3	3	100	100	100	
5	- Trường trung học phổ thông	Trường	1	1	1	1	100	100	100	
6	- Tỷ lệ trường học được xây dựng kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
<b>VII</b>	<b>Số trường đạt chuẩn quốc gia</b>	<b>Trường</b>	12	11	11	11	92	100	100	
	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	100	100	100	100	100	100	100	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện tháng 6 năm	Thực hiện 6 tháng/KH năm 2026	Ước TH năm 2026/ KH 2026	
	- Cấp mầm non	Trường	4	3	3	3	75	100	100	
	- Cấp Tiểu học	Trường	3	3	3	3	100	100	100	
	- Cấp Trung học cơ sở	Trường	4	4	4	4	100	100	100	
	- Cấp Trung học phổ thông	Trường	1	1	1	1	100	100	100	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số phòng học</b>	Phòng	254	285	285	285	112	100	100	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Cấp mầm non	Phòng	59	66	66	66	112	100	100	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Cấp Tiểu học	Phòng	112	128	128	128	114	100	100	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Cấp Trung học cơ sở	Phòng	65	73	73	73	112	100	100	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố	%	100	100	100	100	100	100	100	
	+ Cấp Trung học phổ thông	Phòng	18	18	18	18	100	100	100	
	Tr.đó: Tỷ lệ kiên cố hóa, bán kiên cố	%	100	100,0	100,0	100,0	100	100	100	
<b>IX</b>	<b>Đào tạo nghề</b>									
	Số lao động được đào tạo nghề trong năm	Người	137	280		280	0	0	100	
	Trong đó: Đào tạo nghề sơ cấp và dạy nghề thường xuyên dưới 3 tháng	Người	137	280		280	0	0	100	Đang thực hiện

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA THÔNG TIN**

(Kèm theo Báo cáo số 3393 /BC-UBND ngày 14/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Năm 2026			So sánh (%)			Ghi chú
				Kế hoạch Năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH Năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026/ 6 tháng đầu năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026/KH năm 2026	Ước TH năm 2026	
<b>A</b>	<b>VĂN HÓA - THÔNG TIN</b>									
<b>I</b>	<b>Mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động</b>									
<b>1</b>	<b>Nghệ thuật biểu diễn</b>									
	- Số đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp	Đơn vị								
	- Số buổi biểu diễn	Buổi	0,0	4,0	3,0	4,0		75	100	
	Trong đó: Biểu diễn phục vụ vùng cao	Buổi	0,0	4,0	3,0	4,0		75	100	
<b>2</b>	<b>Nghệ thuật quần chúng</b>									
	Tổng số buổi Hướng dẫn xây dựng Đội văn nghệ cơ sở cấp xã	Buổi	0	8	5	8		63	100	
<b>3</b>	<b>Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"</b>									
	- Số bản, làng đăng ký tiêu chuẩn VH trong năm	Bản, làng								
	Trong đó: Số bản, làng được công nhận trong năm	Bản, làng		39		39		0	100	
	- Tỷ lệ số thôn, bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		90,7		90,7		0	100	
	- Tỷ lệ hộ, gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%		90,5		90,5		0	100	
<b>4</b>	<b>Bảo tồn, bảo tàng</b>									
	- Số di tích đã được xếp hạng	Di tích	3	3	3	3	100	100	100	
<b>6</b>	<b>Số xã, phường có nhà văn hóa, thư viện</b>	<b>Xã, phường</b>								
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất cho hoạt động VH TT</b>									
<b>1</b>	<b>Số nhà văn hoá trên địa bàn</b>	<b>Nhà</b>	<b>46</b>	<b>46</b>	<b>46</b>	<b>46</b>	100	100	100	
	+ Xã, phường quản lý	Nhà	4	4	4	4	100	100	100	
	+ Thôn, bản, tổ dân phố	Nhà	42	42	42	42	100	100	100	
<b>2</b>	<b>Tổng số bản trên địa bàn xã</b>	<b>Thôn/bản</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	<b>43</b>	100	100	100	
	Trong đó: Số bản có nhà văn hoá	Nhà	42	42	42	42	100	100	100	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ bản có nhà văn hoá</b>	<b>%</b>	<b>97,7</b>	<b>97,7</b>	<b>97,7</b>	<b>97,7</b>	100	100	100	
<b>B</b>	<b>THỂ DỤC - THỂ THAO</b>									
<b>1</b>	<b>Số người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên</b>	<b>Người</b>	<b>2131</b>	<b>2.238</b>	<b>2.131</b>	<b>2.238</b>	100	95	100	
	- Tỷ lệ so với dân số	%	10,49	11,00	10,49	11,00	100	95	100	
<b>2</b>	<b>Số gia đình được công nhận là gia đình thể thao</b>	<b>Gia đình</b>	<b>328</b>	<b>559</b>	<b>533</b>	<b>559</b>	163	95	100	
<b>3</b>	<b>Số câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở</b>	<b>CLB</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	82	100	100	

## Biểu số 8

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH

(Kèm theo Báo cáo số 3393/BC-UBND ngày 19/6/2026 của UBND xã Mường Kim)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Kế hoạch Năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước TH năm	So sánh (%)			Ghi chú
							Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026/ TH 6 tháng đầu năm 2025	Thực hiện 6 tháng/ KH năm 2026	Ước Th năm 2026/ KH năm 2026	
<b>I</b>	<b>Viễn thông</b>									
	- Tổng số trạm BTS	Trạm	44	44	44	44	100	100	100	
	- Tổng số thuê bao điện thoại	Thuê bao	15.150	15.580	15.523	15.580	102	100	100	
	- Tổng số thuê bao Internet	Thuê bao	2.145	2.250	2.250	2.250	105	100	100	